

**REPORT ON OPERATIONAL  
PLANNING WORKSHOP**

**BÁO CÁO HỘI THẢO LẬP KẾ  
HOẠCH DỰ ÁN**



**Hanoi, May 2005**

# Hợp tác Kỹ thuật của Đức ở Việt Nam

## Báo cáo Kế hoạch Hoạt động

### Dự án GTZ/GFA - Bộ Xây dựng:

## “Quản lý Nước thải tại các Tỉnh lỵ ở Việt Nam”

Hà Nội, 20/4 và 11/5/2005

Báo cáo chuẩn bị bởi:  
Tobias Barisch  
VIET-EURO-Consulting

Thay mặt:  
GTZ/GFA - Bộ XD  
37, Lê Đại Hành  
Hà Nội

## Mục lục

- I. Bối cảnh
- II. Mục tiêu và Phương pháp Lập Kế hoạch Hoạt động
- III. Kết quả của hai hội thảo
  - 1. Kế hoạch Hoạt động, Phương pháp và Kế hoạch làm việc
  - 2. Phí Nước thải
  - 3. Vai trò của Hỗ trợ Kỹ thuật, Hỗ trợ Tài chính và của các tổ chức tài trợ Đức
  - 4. Các đóng góp của Hỗ trợ Kỹ thuật
  - 5. Giám sát đánh giá
  - 6. Rà soát lại và góp ý kiến về các hoạt động liên quan đến Kết quả 1:
  - 7. Rà soát lại và góp ý kiến về các hoạt động liên quan đến Kết quả 2:
  - 8. Rà soát lại và góp ý kiến về các hoạt động liên quan đến Kết quả 3:
  - 9. Rà soát lại và góp ý kiến về các hoạt động liên quan đến Kết quả 4:
- IV. Các phụ biểu

## I. Bối cảnh

Dự án Hỗ trợ Kỹ thuật “Quản lý Nước thải tại các tỉnh lỵ ở Việt Nam” do Bộ Xây dựng và GFA Management thay mặt GTZ thực hiện.

Ban Quản lý Dự án thuộc Bộ Xây dựng và nhóm tư vấn GFA đã bắt đầu hoạt động từ tháng 2 năm 2005.

Dự án cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho Bộ Xây dựng và sáu công ty nước tại sáu tỉnh lỵ ở Việt Nam là Bắc Ninh, Cần Thơ, Hải Dương, Sóc Trăng, Trà Vinh, Vinh (Nghệ An). Đồng thời, sáu tỉnh lỵ này cũng được hỗ trợ thông qua các chương trình hỗ trợ tài chính do KfW cung cấp vốn vay của Đức (70% chi phí đầu tư) và Chính phủ Việt Nam cung cấp 30% chi phí đầu tư. Chương trình này bao gồm hoạt động xây dựng các hệ thống cống, hệ thống thoát nước thải, nước mưa, các trung tâm xử lý nước thải, xử lý và tiêu hủy chất thải rắn.

Cả hai hợp phần của GTZ và KfW được thực hiện theo thoả thuận hợp tác và được Bộ Hợp tác Liên bang Đức hỗ trợ và tài trợ.

## II. Mục tiêu và Phương pháp Lập Kế hoạch Hoạt động

Để xây dựng được Kế hoạch Hoạt động ban đầu cho dự án hỗ trợ kỹ thuật, nhóm dự án đã thống nhất tổ chức hai cuộc hội thảo lập kế hoạch tại Hà Nội.

Hội thảo lập kế hoạch lần thứ nhất được tổ chức tại Khách sạn Quân đội ngày 20 tháng 4 năm 2005 (xem Phụ biểu 1: Chương trình Hội thảo 1), đến dự hội thảo này có khoảng 50 đại biểu, chủ yếu là đại diện các tỉnh dự án (xem Phụ biểu 3: Danh sách đại biểu).

Mục tiêu của hội thảo lần thứ nhất là nhằm đạt được sự nhất trí giữa các tỉnh tham gia dự án và nhóm dự án về khung thực hiện và phương pháp thực hiện dự án trong 3 năm của giai đoạn đầu, đồng thời đóng góp ý kiến và cập nhật các hoạt động của dự án và các chỉ tiêu liên quan đến kết quả 1-3 như đã nêu trong tổng quan về kế hoạch dự án đã xây dựng trong năm 2003.

Hội thảo cũng tạo ra cơ hội cho các tỉnh tham gia dự án thể hiện nguyện vọng của mình, đưa ra các khuyến cáo và các ưu tiên hoạt động, phản ứng lại với những kết quả của các thay đổi có thể có về khung thể chế, nói lên mối quan tâm của họ về những khó khăn cản trở và nguy cơ rủi ro có liên quan đến việc thiết lập dự án.

Hội thảo Lập Kế hoạch Hoạt động lần thứ hai được tổ chức tại Khách sạn Horison ở Hà Nội vào ngày 11/5/2005 (xem Phụ biểu 2: Chương trình Hội thảo 2), tới dự hội thảo này có khoảng 60 đại biểu, đại diện cho các tỉnh dự án, các bộ ngành có liên quan, các tổ chức của Đức và các tổ chức tài trợ quốc tế (xem Phụ lục 3: Danh sách đại biểu).

Mục tiêu của hội thảo lần thứ hai là trao đổi thông tin về tình hình công việc của hợp phần Hỗ trợ Tài chính và Hỗ trợ Kỹ thuật của dự án; cung cấp thông tin tổng quan về những đóng góp DED có thể thực hiện cho dự án; đưa ra bức tranh tổng thể về hỗ trợ của Đức trong tương lai đối với ngành nước thải của Việt Nam, và trình bày chung về chính sách trong ngành nước thải của Việt Nam.

Bên cạnh đó, các đại biểu đã trình bày kết quả của hội thảo lần thứ nhất sau khi thảo luận về Kết quả 4 - Chia sẻ Kinh nghiệm – hoạt động này sẽ được dự án Quản lý Nước thải hỗ trợ nhằm thúc đẩy giải quyết những vấn đề bức xúc trong ngành quản lý nước thải.

Nhiệm vụ cuối cùng là xây dựng biểu thời gian cho các hoạt động chính trong 18 tháng đầu thực hiện dự án.

### III. Kết quả của hai hội thảo

#### 1) Kế hoạch Hoạt động, Phương pháp và Kế hoạch làm việc

Do tính chất phức tạp về công tác hậu cần của hoạt động thực hiện dự án (xem Phụ biểu 5: Dự kiến biểu thời gian cho các hoạt động dự án), hội thảo đã thống nhất phương pháp thực hiện từng bước một như sau: Các hoạt động của toàn dự án sẽ được thực hiện trên cơ sở kế hoạch hoạt động chung như đã đưa ra trong tổng quan về kế hoạch dự án đã cập nhật (xem Phụ biểu 4). Tuy nhiên, biểu thời gian cụ thể cho từng hoạt động sẽ được phối hợp chuẩn bị với các công ty nước có liên quan tại từng tỉnh thông qua một “kế hoạch làm việc của tỉnh”.

Thành phần cốt lõi của kế hoạch làm việc này là “kế hoạch phát triển công ty”, kế hoạch này bao gồm những hoạt động chiến lược cho từng công ty quản lý nước thải và sẽ do công ty cùng với nhóm dự án thực hiện.

#### 2) Phí nước thải

Về vấn đề phí nước thải và quản lý nước thải, phương pháp thực hiện ở mỗi tỉnh một khác. Một số tỉnh đã thiết lập hệ thống phí nước thải khả quan phù hợp với hiệp định vay của KfW. Một số tỉnh khác vẫn còn đang chờ đợi hướng dẫn của cấp trung ương. Bên cạnh đó, tổ chức thể chế và cơ cấu, cũng như các cơ chế tài chính (chi phí vận hành và bảo dưỡng, cơ chế thu phí và trợ cấp) cũng khác nhau đối với từng tỉnh.

Nói chung, các công ty quản lý nước thải ở tất cả các tỉnh vẫn còn đang gặp phải những khó khăn, đặc biệt là mức phí phải bao gồm được các chi phí vận hành và bảo dưỡng, chi phí thay thế các thiết bị điện và thiết bị cơ khí (biểu phí cần bao gồm những chi phí gì, bao nhiêu và mức trợ giá từ cấp trung ương hay từ ngân sách địa phương được cung cấp trên cơ sở nào?).

Hơn nữa, vẫn còn những băn khoăn về mục đích của nghị định 67 (phí môi trường) và về tính hợp pháp của việc bổ sung “phí nước thải. Trong hội thảo lần thứ hai, đại diện Bộ Xây dựng đã cho biết nghị định 67 đang được điều chỉnh (xem Phụ biểu 7). Bộ Xây dựng cho biết rằng sẽ tiếp tục có những sửa đổi đối với nghị định 67 và kế hoạch là Thủ tướng Chính phủ sẽ quyết định ban hành phí nước thải trong quý III năm 2005, việc ban hành phí nước thải này sẽ được hướng dẫn cụ thể bằng một chỉ thị.

#### 3) Vai trò của Hỗ trợ Kỹ thuật, Hỗ trợ Tài chính và của các tổ chức tài trợ Đức

Các thảo luận trong hội thảo lần thứ nhất đã đưa ra ý kiến là cần thiết phải miêu tả vai trò của các cơ quan hỗ trợ kỹ thuật và hỗ trợ tài chính (GTZ/GFA, KfW, DED) cho các đối tác Việt Nam, và nêu ra rõ ràng phạm vi hỗ trợ của từng tổ chức này. Trong hội thảo lần thứ hai vấn đề này đã được trình bày, GTZ/GFA trình bày về hợp phần hỗ trợ kỹ thuật (xem Phụ biểu 6), KfW trình bày về hợp phần hỗ trợ tài chính (xem Phụ biểu 8), và DED

trình bày về tiềm năng những đóng góp của cơ quan dịch vụ về nhân lực của Đức (xem Phụ biểu 9). Bên cạnh đó, GTZ và KfW cùng trình bày về tổng quan hỗ trợ của Đức đối với ngành quản lý nước thải và chất thải rắn ở Việt Nam, phương pháp để xác định đối tác dự án trong tương lai (xem Phụ biểu 10).

Các đại biểu đã vui mừng hoan nghênh sự tham gia của DED với một chuyên gia cho các tỉnh dự án ở miền Bắc. Tuy nhiên, đại diện các tỉnh miền Nam cũng đề nghị DED chấp nhận hoạt động tại phía Nam.

Một điều nữa đã được làm rõ là ngoài GTZ ra, bất cứ một tổ chức hỗ trợ kỹ thuật nào của Đức tham gia vào các hoạt động dự án đều thông qua sự quản lý của nhóm dự án GFA/Bộ XD.

#### **4) Các Đóng góp của Hỗ trợ Kỹ thuật**

Một số đại biểu yêu cầu nêu chi tiết về đóng góp của Hỗ trợ Kỹ thuật cho từng tỉnh. Dự án cũng muốn giải thích rằng các chi tiết về hợp tác kỹ thuật đã được đưa ra trong Thỏa thuận Thực hiện Dự án được ký giữa Bộ Xây dựng và GTZ vào ngày 24 tháng 2 năm 2005. Không có một khoản hỗ trợ trực tiếp nào cho tỉnh cũng như cho Bộ Xây dựng; mọi đóng góp được cung cấp dưới các hình thức chuyên gia quốc tế và chuyên gia trong nước, đào tạo cho cán bộ, cung cấp một số lượng hạn chế các thiết bị văn phòng, một số lượng hạn chế các biện pháp thí điểm cộng đồng, các hội thảo chuyên đề, và thăm quan khảo sát. Về nguyên tắc, nguồn lực được phân bổ công bằng cho các tỉnh; tuy nhiên việc trình bày nhu cầu và các cam kết sẽ là cơ sở để cung cấp các hỗ trợ của dự án.

#### **5) Giám sát đánh giá**

Dự án cần phải thiết lập một hệ thống giám sát đánh giá, điều này chưa được đề cập đến trong bản tổng quan về kế hoạch năm 2003. Hệ thống giám sát đánh giá này sẽ được thiết lập ngay và sẽ xác định ra các chỉ tiêu có liên quan đến “tác động” nhằm hỗ trợ giám sát tiến độ của dự án và các ảnh hưởng của dự án.

#### **6) Rà soát lại và góp ý kiến về các hoạt động liên quan đến Kết quả 1:**

- Tại hội thảo lần thứ nhất, đề xuất xây dựng một Kế hoạch Phát triển Công ty cho từng công ty quản lý nước thải đã được tất cả các đại biểu tham dự hội thảo ủng hộ. Do vậy, một loạt các hoạt động liên quan đến kết quả 1 sẽ được thực hiện trong phạm vi xây dựng Kế hoạch Phát triển Công ty như đã nêu trong Bảng Kế hoạch Hoạt động đã được cập nhật. Các hoạt động nằm trong Kế hoạch Phát triển Công ty sẽ được cơ cấu trong bốn mục tiêu chính về tổ chức và thể chế: (1) quản lý tài chính, (2) quan hệ khách hàng, đối ngoại, (3) cơ cấu và quy trình quản lý nội bộ, quản lý tài sản cố định, và (4) phát triển nguồn nhân lực. Các Kế hoạch Phát triển Công ty sẽ được soạn thảo từng bước và sau đó sẽ được các công ty quản lý nước thải thực hiện. Dự án Quản lý nước thải sẽ bố trí các hỗ trợ chuyên môn, đào tạo để thúc đẩy thực hiện Kế hoạch Phát triển Doanh nghiệp ở từng tỉnh trong giai đoạn 1 của dự án.
- Cũng trong hội thảo lần thứ nhất, các đại biểu tham dự đã thống nhất sẽ tổ chức đào tạo theo vùng nhằm đơn giản hoá hoạt động tổ chức hậu cần. Các tỉnh ở phía Nam sẽ cử cán bộ đến một trong những thành phố tham gia dự án để tham dự đào tạo. Cần Thơ có thể là trung tâm cho các hoạt động đào tạo; tuy nhiên có thể quay vòng địa điểm

đào tạo nếu cần thiết. Ba tỉnh phía Bắc và miền Trung sẽ cử cán bộ đến Hà Nội để tham gia đào tạo.

- Về đào tạo kỹ thuật cho cán bộ vận hành và bảo dưỡng, trong hội thảo lần thứ hai KfW đã nêu rõ rằng sẽ cung cấp một số đào tạo về sử dụng thiết bị để vận hành các nhà máy xử lý nước thải và các phòng thí nghiệm được xây dựng và cung cấp trong phạm vi hỗ trợ tài chính của KfW. Chi phí cho các hoạt động đào tạo này hạn chế trong khoảng EURO 200.000 cho một tỉnh.
- Một số đại biểu hỏi rằng dự án có hỗ trợ các sở XD/TN&MT mua các thiết bị thí nghiệm cho phòng thí nghiệm hay không. Mặc dù các thiết bị này không được hỗ trợ trong phạm vi hỗ trợ tài chính, nhưng một số thiết bị thí nghiệm cơ bản sẽ được cung cấp cho các công ty quản lý nước thải thông qua gói thiết bị của KfW.
- Trong hội thảo lần thứ hai, nhóm các tỉnh miền Nam đã đề xuất rằng sẽ hợp lý hơn nếu hoạt động “thiết lập trung tâm kiểm kê tài sản” được thực hiện trong kết quả 2.

## 7) Rà soát lại và góp ý kiến về các hoạt động liên quan đến Kết quả 2:

- Cho tới ngày các tỉnh thu phí vận hành và bảo dưỡng, việc thu phí nước thải ở các tỉnh tham gia dự án rất khác nhau. Để đạt được các giải pháp bền vững, một số đại biểu đã nhắc lại rằng cần phải có các quy định và hướng dẫn của cấp trung ương để hỗ trợ việc giới thiệu biểu phí riêng cho nước thải. Về mặt kỹ thuật, phí nước thải sẽ được gộp vào hoá đơn thu phí nước sạch. Tuy nhiên, các đại biểu chỉ ra rằng nhiều hộ gia đình có tạo ra nước thải lại không có nguồn nước sạch, điều này đòi hỏi phải có biện pháp khác để thu phí nước thải.
- Một số đại biểu chỉ ra rằng Bộ Xây dựng đã phát hành biểu phí chi tiết để vận hành và bảo dưỡng cầu đường, nhưng chưa có biểu phí tương tự như vậy cho hệ thống nước thải. Quy định đơn giá sẽ tác động tích cực tới sự thống nhất về quản lý nước thải giữa chính quyền các địa phương và đơn vị vận hành ở địa phương.
- Để có được những số liệu về tài chính đáng tin cậy, cần phải mua một phần mềm chuyên cho việc này, đây cũng sẽ là một phần không thể tách rời trong hệ thống quản lý thông tin.
- Về vấn đề kiểm kê tài sản cố định, vẫn còn thiếu khung pháp lý, bởi vì cho đến nay, các tài sản cố định như hệ thống cống thoát nước nhìn chung vẫn thuộc tài sản của nhà nước. Vấn đề này đã được đề cập đến ở cấp trung ương để cân nhắc xem có nên đưa các tài sản cố định này vào sở hữu tài sản của các công ty quản lý nước thải hay không.
- Các đại biểu tỉnh Sóc Trăng đã giải thích thêm về vấn đề này, ở Sóc Trăng việc định giá hệ thống cống trong thành phố vừa mới được hoàn thiện. Ban định giá đã được hình thành gồm thành viên một số cơ quan và công ty thoát nước. “Giá trị tài sản cố định còn lại được tính theo thời gian xây dựng: tài sản được xây từ thời Pháp; xây trong thời đánh Mỹ, và tài sản xây sau 1975. Mặc dù tất cả tài sản cố định đã được định giá thành công, tài sản này vẫn thuộc về nhà nước, do vậy công ty quản lý nước thải cũng không tính chi phí tiêu hao cho các tài sản này.
- Đa số các đại biểu nhấn mạnh rằng chỉ tiêu đã được xác định là “phí nước thải sẽ được thu không quá 5% thu nhập của hộ gia đình” có thể là không thực tế đối với các tỉnh ly tham gia dự án. Việc giới thiệu từng bước mức phí nước thải để thu hồi đủ chi phí thực tế cho vận hành và bảo dưỡng hệ thống đã được xem xét cho phù hợp hơn.

**8) Rà soát lại và góp ý kiến về các hoạt động liên quan đến Kết quả 3:**

- Trong cả hai cuộc hội thảo, đại biểu các tỉnh dự án đã nhấn mạnh rằng sẽ phải thực hiện sớm hơn các hoạt động nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng để đạt được sự tham gia tích cực của cộng đồng và để truyền thông tin đến những đối tượng hưởng lợi trong vùng dự án.
- Chỉ có cách phổ biến thông tin và thực hiện các chiến dịch tuyên truyền chưa đủ, mà còn cần phải tạo ra các hình thức khuyến khích nhất định cho những hộ sẽ kết nối với hệ thống nước thải chung bằng cách hỗ trợ họ (một phần) các chi phí để nối đường ống, hoặc trình diễn quảng bá về một khu vệ sinh đủ tiêu chuẩn.
- DED có thể hỗ trợ các hoạt động trong phạm vi kết quả 3. Tuy nhiên, sẽ phải phân tích chi tiết và soạn bản đề cương nhiệm vụ để xác định được những nhiệm vụ hiệu quả nhất cho dự án của các chuyên gia DED.

**9) Rà soát lại và góp ý kiến về các hoạt động liên quan đến Kết quả 4:**

- Các đại biểu phát biểu về sự cần thiết chia sẻ kinh nghiệm, hiểu biết và thông tin bằng các phương cách khác nhau như: thiết lập mối liên lạc thường xuyên giữa 6 tỉnh tham gia dự án; với các cơ quan tài trợ khác; với các dự án nước thải khác, các địa bàn dự án, và các hiệp hội như Hội Cấp Thoát Nước Việt Nam.
- Các hội thảo chuyên đề về những chủ đề cụ thể sẽ được tổ chức theo vùng để tiết kiệm chi phí đi lại.
- Về thông tin dự án trên mạng internet, một số đại biểu có ý kiến sẽ xây dựng mạng nội bộ cho nhóm dự án và sáu tỉnh dự án.
- Về thông tin đầu vào, có một số ý tưởng chi tiết và mới như:
  - Thu thập, liệt kê (bằng cơ sở dữ liệu) và tóm tắt tất cả các tài liệu pháp lý và quy định liên quan đến quản lý nước thải, bao gồm các tiêu chuẩn, đơn giá ...
  - Phân tích khung pháp lý trên trong một hội thảo riêng với sáu tỉnh dự án, thu thập ý kiến đóng góp và đề xuất.
  - Chỉ ra những điểm yếu/không phù hợp hiện đang tồn tại rõ ràng trong khung pháp lý về quản lý nước thải và cho ý kiến về những điều chỉnh mà các cơ quan có liên quan ở cấp trung ương phải trình bày.
  - Tổ chức một hội thảo để trình diễn với các cơ quan có liên quan (Bộ XD, Bộ TN&MT, Bộ TC, UBND các tỉnh) về cách tính biểu phí nước thải có bao gồm các chi phí vận hành và bảo dưỡng.
  - Trao đổi và đề nghị Bộ TC hướng dẫn thực hiện nghị định 67, đặc biệt và việc sử dụng phí môi trường/nước thải trong sáu tỉnh tham gia dự án.

Các kết quả hội thảo đã được tài liệu hoá, đặc biệt là bảng kế hoạch dự án đã cập nhật và dự tính biểu thời gian cho các hoạt động thực hiện dự án là cơ sở cho những hoạt động của dự án trong thời gian tới.

Hà Nội 12/5/2005

Tobias Barisch  
Người điều khiển hội thảo

## IV. Các phụ biểu

- Phụ biểu 1: Chương trình hội thảo 1 (20/4/2005)
- Phụ biểu 2: Chương trình hội thảo 2 (11/5/2005)
- Phụ biểu 3: Danh sách đại biểu (20/4 và 11/5/2005)
- Phụ biểu 4: Bảng kế hoạch dự án đã cập nhật (5/2005)
- Phụ biểu 5: Biểu thời gian thực hiện dự án (5/2005)
- Phụ biểu 6: Phương pháp thực hiện dự án (GFA)
- Phụ biểu 7: Chính sách nước thải quốc gia (Bộ XD)
- Phụ biểu 8: Tình hình hỗ trợ tài chính – Đóng góp đào tạo cán bộ vận hành (KfW)
- Phụ biểu 9: Tiềm năng về những đóng góp của DED thông qua hợp tác về nhân lực
- Phụ biểu 10: Tổng quan về hợp tác phát triển Việt Nam - Đức trong lĩnh vực nước thải và chất thải rắn (GTZ/KfW)
- Phụ biểu 11: Kết quả thảo luận của các đại biểu trong hội thảo 20/4/2005
- Phụ biểu 12: Kết quả thảo luận của các đại biểu trong hội thảo 11/5/2005
-

**Phụ biểu 1:  
Chương trình hội thảo 1  
20/4/2005**

**Planning Workshop  
“Wastewater Management in Provincial Urban Centers”  
20 April 2005, Army Hotel, Hanoi**

**Chương trình Hội thảo - Workshop Agenda**

Thời gian - Time	Nội dung - Content	Người trình bày - Presented by
07:45 – 08:00	Đăng ký đại biểu	Ban tổ chức
08:00 – 08:05	Khai mạc	Bộ Xây dựng
08:05 – 08:15	Giới thiệu đại biểu	Người điều khiển HT
08:15 – 08:30	Giới thiệu Chương trình Hội thảo và Phương pháp tiến hành hội thảo	Người điều khiển HT
08:30 – 09:30	Phương pháp tiếp cận của dự án / Kết quả đánh giá ban đầu / Câu hỏi và Trả lời	Kleeberg (GFA)
<i>09:30 – 10:00</i>	<i>Nghỉ giải lao</i>	
10:00 – 10:30	Dự kiến thời gian cho các hoạt động dự án / Câu hỏi và Trả lời	Kleeberg (GFA)
10:30 – 11:00	Tổ chức thực hiện dự án / Câu hỏi và Trả lời	PMU
11:00 – 12:00	Các đại biểu phát biểu ý kiến	Đại diện các tỉnh
<i>12:00 – 13:30</i>	<i>Nghỉ trưa</i>	
13:30 – 13:40	Giới thiệu chương trình làm việc buổi chiều	Người điều khiển HT
	Trình bày và thảo luận về các kết quả, các chỉ số, hoạt động / phân bổ nguồn lực và trách nhiệm của dự án	
13:40 – 14:20	<u>Kết quả 1</u> : Xây dựng năng lực về thể chế	Người điều khiển HT / các đại biểu
14:20 – 15:00	<u>Kết quả 2</u> : Thu thập các biểu phí và thu nhập	Người điều khiển HT / các đại biểu -
<i>15:00 – 15:30</i>	<i>Nghỉ giải lao</i>	
15:30 – 17:10	<u>Kết quả 3</u> : Sự tham gia của cộng đồng	Người điều khiển HT / các đại biểu -
17:10 – 16:20	Tổng kết các kết quả thảo luận	Người điều khiển HT
16:20 – 16:30	Bế mạc	Kleeberg (GFA)
<i>18:00</i>	<i>ăn tối tại KS Quân đội - Dinner at The Army Hotel</i>	

**Phụ biểu 2:  
Chương trình hội thảo 2  
11/5/2005**

**Hội thảo Lập Kế hoạch Hoạt động Dự án  
11 tháng 5 năm 2005, Khách sạn Horizon, Hà Nội**

**Chương trình Hội thảo**

<b>Thời gian</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Người chịu trách nhiệm</b>
07:30 – 07:50	Đăng ký Đại biểu	Ban Tổ chức
08:00 – 08:15	Giới thiệu Đại biểu	Người dẫn CT
08:15 – 08:20	Khai mạc	Bộ Xây dựng
08:20 – 08:30	Giới thiệu về Chương trình và Phương pháp Hội thảo	Người dẫn CT
08:30 – 08:45	Tình hình Hiện nay của Hợp phần Hỗ trợ Kỹ thuật, Chiến lược Thực hiện, Quy mô	Lutz Kleeberg (GFA)
08:45 – 09:00	Tình hình Hiện nay của Hợp phần Hỗ trợ Tài chính, Ý kiến về các Đóng góp Đào tạo Cán bộ	Reinhard Meierjohann (KfW)
09:00 – 09:20	Tổng quan về tương lai Hợp tác Phát triển Việt - Đức trong Lĩnh vực Quản lý Nước thải và Chất thải Rắn	Reinhard Meierjohann (KfW) and Manfred Scheu (GTZ)
09:20 – 09:30	Những đóng góp tiềm năng của DED	Wolfgang Biermann
<i>09:30 – 10:00</i>	<i>Giải lao</i>	
10:00 – 10:15	Chính sách Quản lý Nước thải ở Việt Nam Vai trò của Bộ Xây dựng trong Dự án Quản lý Nước thải	Bộ Xây dựng
10:15 – 10:30	Trình bày các Kết quả và Ý kiến của Hội thảo 20 tháng 4 năm 2005. (Kết quả 1, 2, 3)	Kleeberg (GFA)
10:30 – 10:40	Giới thiệu Kết quả 4 Chia sẻ Kinh nghiệm - Mục đích và Chiến lược	Kleeberg (GFA)
10:40 – 11:40	Thảo luận kết quả 4: Các mối Quan hệ cấp Tỉnh, Trung ương và Nhà Tài trợ	Các đại biểu / Các nhóm
11:40 – 11:50	Tổng kết những kết quả và ý kiến về kết quả 4	Những người báo cáo / Người dẫn CT
<i>12:00 – 13:00</i>	<i>Nghỉ trưa</i>	
13:00 – 13:10	Giới thiệu chương trình buổi chiều: “Kế hoạch Hoạt động cho 18 tháng đầu”	Người dẫn CT
13:10 – 13:30	Trình bày về các Mốc Thời gian và những Hoạt động chính	Kleeberg (GFA)
13:30 – 15:00	<b>Nhóm các tỉnh miền Nam:</b> Đưa ra các Hoạt động chính và Sơ bộ về Nguồn lực cho năm 2005 và 2006	Người dẫn CT và người điều khiển thảo luận của tỉnh
13:30 – 15:00	<b>Nhóm các tỉnh miền Bắc:</b> Đưa ra các Hoạt động chính và Sơ bộ về Nguồn lực cho năm 2005 và 2006	Người dẫn CT và người điều khiển thảo luận của tỉnh
<i>15:00 – 15:30</i>	<i>Nghỉ giải lao</i>	
15:30 – 15:45	Trình bày của Nhóm các Tỉnh miền Nam	Người điều khiển thảo luận của tỉnh
15:45 – 16:00	Trình bày của Nhóm các Tỉnh miền Bắc	Người điều khiển thảo luận của tỉnh
16:00 – 16:15	Câu hỏi và Trả lời về Trình bày của Tỉnh	Các đại biểu / Người dẫn CT
16:15 – 16:30	Tổng kết các Kết quả và Ý kiến	Người dẫn CT
16:30 – 16:40	Các bước Tiếp theo	Lutz Kleeberg (GFA)
16:40 – 16:45	Bế mạc	Lutz Kleeberg (GFA)

**Phụ biểu 3:  
Danh sách đại biểu  
(20/4 và 11/5/2005)**

## Wastewater Management in Provincial Urban Centers

### HỘI THẢO LẬP KẾ HOẠCH DỰ ÁN

20 tháng 4 năm 2005 - Khách sạn Quân đội

### DANH SÁCH KHÁCH MỜI

	Họ và tên	Chức danh	Cơ quan
<b>Bắc Ninh</b>			
1	Ông Lê Tiến Nam	P. Giám đốc	Sở xây dựng
2	Ông Đào Văn Hoà	CV	Sở xây dựng
3	Ông Trần Đại Hải	P. Giám đốc	Công ty cấp thoát nước
4	Bà Trần Thị Hằng	Kế toán	Công ty cấp thoát nước
5	Ông Ngô Bình Minh	CB Kỹ thuật	Công ty cấp thoát nước
6	Bà Ngô Thị Mai Anh	CB dự án	Công ty cấp thoát nước
<b>Cần Thơ</b>			
7	Ông Lư Thành Đồng	P. Giám đốc	Sở giao thông công chính
8	Ông Thiều Quang Thái	P. Giám đốc	Sở Tài nguyên MT
9	Bà Lương Hồng Tân	PP Thoát nước	Sở Tài nguyên MT
10	Ông La Quốc Nghĩa	Giám đốc	Công ty cấp thoát nước
11	Ông Phan Quang Khải	GĐXN TVTK	Công ty cấp thoát nước
12	Bà Phan Thị Thiên	GĐ XNTN	Công ty cấp thoát nước
<b>Hải Dương</b>			
13	Ông Lê Hồng Vãn	Phó Chủ tịch	UBND tỉnh
14	Ông Nguyễn Tiến Hoá	GĐ	Sở xây dựng
15	Bà Ng. T. Phương Liên	TP QLQH	Sở xây dựng
16	Ông Trịnh Nam Hưng	CV P. QLQH	Sở xây dựng
17	Ông Đào Nguyên Vỹ	Giám đốc	Công ty Thị chính
18	Ông Nguyễn Đức Sáu	P. Giám đốc	Công ty Thị chính
19	Bà Nguyễn Thị Hoa	Cán bộ	Công ty Thị chính
20	Ông Tạ Vinh Quang	Cán bộ	Công ty Thị chính
<b>Sóc Trăng</b>			
21	Ông Mai Hồng Thái	Bí thư	Thị Ủy TXST
22	Ông Phạm Văn Nhơn	Giám đốc	Sở xây dựng
23	Ông Lâm Hùng Kiện	Giám đốc	Sở KH & ĐT
24	Ông Nguyễn Trung Hiếu	Chủ tịch	UBND TXST

25	Ông Lâm Hữu Tùng	Giám đốc	Công ty Công trình đô thị
26	Ông Đậu Đức Hiển	CB Kỹ Thuật	Công ty Công trình đô thị
<b>Trà Vinh</b>			
27	Ông Nguyễn Văn Phong	Giám đốc	Sở Xây Dựng
28	Ông Nguyễn Quý Mậu	TP HTKTĐT	Sở Xây Dựng
29	Ông Vũ Trọng Thanh	Giám đốc	Công ty cấp thoát nước
30	Ông Huỳnh Ngọc Minh	P. Giám đốc	Công ty cấp thoát nước
31	Ông Nguyễn Như Bình	TP KT	Công ty cấp thoát nước
32	Ông Nguyễn Quốc Thắng	KS Môi trường	Công ty cấp thoát nước
<b>Vinh</b>			
33	Ông Hà Văn Lê	Giám đốc	Sở xây dựng
34	Ông Nguyễn Văn Đổ	TP QLQH	Sở xây dựng
35	Ông Trần Quốc Hùng	Tp KH & ĐT	Sở xây dựng
36	Ông Nguyễn Quốc Hùng	chuyên viên QH	Sở xây dựng
37	Ông Bùi Đức Lộc	Giám đốc	Công ty QL &PTHTKTĐT
38	Ông Bùi Quang Tạo	CB Dự án	Công ty QL &PTHTKTĐT
<b>Cấp quốc gia</b>			
39	Ông Nguyễn Hồng Tiến	Vụ phó	Vụ hạ tầng KTĐT - MOC
40	Ông Nguyễn Phi Tòng	CV	Vụ hạ tầng KTĐT - MOC
41	Ông Nguyễn Khánh Toàn	Vụ phó	Vụ QHQT - MOC
42	Ông Nguyễn Đông	Phó ban	MOC - PMU
43	Ông Trần Văn Tuấn	CV	MOC - PMU
44	Bà Hoàng Lệ Thủy	CV	MOC - PMU
45	Bà Trần Ngọc Thanh	CV	MOC - PMU
46	Ông Đồng Minh Thu	Giám đốc	Công ty WELI
47	Ông Wolfgang Biermann	Giám đốc	DED
48	Ông Riethmacher	Giám đốc	GTZ
49	Ông Christian Richter	Giám đốc	KfW
50	Ông Tobias Barisch	Moderator	WWM
51	Ông Nguyễn Việt Đức	Phiên dịch	WWM
52	Lutz Kleeberg	CTA	WWM
53	Nguyễn Thị Hải Đức	Quản lý văn phòng	WWM
54	Nguyễn Thị Thu Hiền	Phiên dịch	WWM

## HỘI THẢO LẬP KẾ HOẠCH DỰ ÁN 11 tháng 5 năm 2005 - Khách sạn Horison

### DANH SÁCH ĐẠI BIỂU

	Họ và tên	Chức danh	Cơ quan
<b>Các bộ, các cơ quan Việt Nam</b>			
1	Ông Nguyễn Ngọc Điệp	Vụ Công nghiệp	Văn phòng Chính phủ
2	Ông Nguyễn Trọng Tín	Vụ trưởng Vụ HTĐT	Bộ KH&ĐT
3	Ông Nguyễn Huy Hoàng	CV Vụ Kinh tế Đối ngoại	Bộ KH&ĐT
4	Bà Lê Tú Oanh	Chuyên viên Vụ HTĐT	Bộ KH&ĐT
5	Lãnh đạo	Cục Môi trường	Bộ TN&MT
6	Bà Nguyễn Thị Thuỳ Dương	CV Cục Môi trường	Bộ TN&MT
7	Bà Trương Thái Phương	Vụ Trưởng TC Đối ngoại	Bộ Tài chính
8	Ông Nguyễn Tấn Vạn	Thứ trưởng	Bộ Xây dựng
9	Ông Phạm Khánh Toàn	Phó Vụ trưởng Vụ HTQT	Bộ Xây dựng
10	Ông Trần Ngọc Chính	Vụ trưởng Vụ Kiến trúc và Quy hoạch XD	Bộ Xây dựng
11	Ông Ngô Hồng Quang	Vụ trưởng Vụ Hạ tầng	Bộ Xây dựng
12	Đại diện		Hội Cấp thoát nước
13	Đại diện		Báo Xây dựng
14	Đại diện		Tạp chí Xây dựng
15	Ông Nguyễn Lân	Chủ tịch	Hiệp hội Đô thị
<b>Các tỉnh</b>			
16	Lãnh đạo	UBND	UBND tỉnh Bắc Ninh
17	Ông Đinh Quang Hiệp	Phó Giám đốc	Công ty Cấp thoát nước Bắc Ninh
18	Ông Nguyễn Tiến Nường	Giám đốc	Sở Xây dựng Bắc Ninh
19	Lãnh đạo		Sở TN&MT Bắc Ninh
20	Lãnh đạo	UBND	UBND tỉnh Cần Thơ
21	Ông La Quốc Nghĩa	Giám đốc	Công ty Cấp thoát nước Cần Thơ
22	Ông Lưu Văn Tuấn	Giám đốc	Sở Xây dựng Cần Thơ
23	Lãnh đạo		Sở TN&MT Cần Thơ
24	Lãnh đạo	UBND	UBND tỉnh Hải Dương
25	Ông Đào Nguyên Vỹ	Giám đốc	Công ty Thị chính Hải Dương
26	Ông Nguyễn Tiến Hoá	Giám đốc	Sở Xây dựng Hải Dương
27	Lãnh đạo		Sở TN&MT Hải Dương
28	Lãnh đạo	UBND	UBND tỉnh Sóc Trăng

**HỘI THẢO LẬP KẾ HOẠCH DỰ ÁN**  
11 tháng 5 năm 2005 - Khách sạn Horison

## DANH SÁCH ĐẠI BIỂU

	Họ và tên	Chức danh	Cơ quan
29	Ông Lâm Hữu Tùng	Giám đốc	Công ty Công trình Đô thị Sóc Trăng
30	Ông Phạm Văn Nhơn	Giám đốc	Sở Xây dựng Sóc Trăng
31	Lãnh đạo		Sở TN&MT Sóc Trăng
32	Lãnh đạo	UBND	UBND tỉnh Trà Vinh
33	Ông Vũ Trọng Thanh	Giám đốc	Công ty Cấp thoát nước Trà Vinh
34	Ông Nguyễn Văn Phong	Giám đốc	Sở Xây dựng Trà Vinh
35	Lãnh đạo		Sở TN&MT Trà Vinh
36	Lãnh đạo	UBND	UBND Thành phố Vinh
37	Ông Bùi Đức Lộc	Giám đốc	Công ty QL&PT Hạ tầng KTĐT Vinh
38	Ông Hà Văn Lê	Giám đốc	Sở Xây dựng Nghệ An
39	Lãnh đạo		Sở TN&MT Nghệ An
<b>Các tổ chức quốc tế</b>			
40	Ông Guenter Riethmacher	Giám đốc	GTZ Vietnam
41	Ông Manfred Scheu	Chuyên gia Lập Kế hoạch	GTZ Đức
42	Bà Inge Pohl	Head of Program & Admin.	GTZ Vietnam
43	Ông Phạm Ngọc Linh	Điều phối viên Chương trình	GTZ Vietnam
44	Dr. Horst J. Idler	Giám đốc BBPV	GTZ Vietnam
45	Ông Christian Richter	Giám đốc	KfW Vietnam
46	Ông Reinhard Meierjohann	Cố vấn Kỹ thuật	KfW Đức
47	Ông Nguyễn Văn Minh	Quản lý dự án	KfW Vietnam
48	Prof. Max Preussner	Tư vấn KfW	CES Vietnam
49	Kevin Holroyd	Tư vấn KfW	GKW Vietnam
50	Kaspar Lamprechtsen	Tư vấn KfW	Carl Bro Vietnam
51	Ông Wolfgang Biermann	Giám đốc tại Việt Nam	DED
52	Ông Stefan Bepler	Điều phối viên Chương trình	DED
53	Ông Thomas Franz	Cố vấn Môi trường	DED
54	Ông Hans Ulrich Fuhrke	Điều phối viên vùng	INWENT
55	Ông Florian Kingel	Đại diện	ECOSAN
56	Ông Lutz Meyer	Giám đốc	BORDA Vietnam
57	Mrs. Arnold	Quản lý dự án	Trường Tổng hợp Bonn

**HỘI THẢO LẬP KẾ HOẠCH DỰ ÁN**  
11 tháng 5 năm 2005 - Khách sạn Horison

**DANH SÁCH ĐẠI BIỂU**

	Họ và tên	Chức danh	Cơ quan
58	Ông Alan Coulthart	Điều phối viên CSHT	World Bank
59	Trần Thị Thanh Phương	Chuyên gia Môi trường	World Bank
60	Ông William A. Costin	Chuyên gia thực hiện dự án	ADB
61	Ông Andrew Jacob	Trưởng phòng Hợp tác	EU
62	Ông Dean Frank	Tư vấn Phát triển / Trưởng Bộ phận Viên trợ	CIDA
63	Ông Edouard Danjoy	Giám đốc	Cơ quan Phát triển Pháp
64	Ông Kikuchi Fumio	Đại diện thường trú	JICA
65	Ông Torben Nilsson	Tư vấn phát triển	DANIDA Hà Nội
66	Ông Markus Eggenberger	Trợ lý Giám đốc	SDC
67	Ông Hannu Kokko	Tư vấn Quản lý	Hạ tầng Đô thị
68	Ms. Gudrun Krause	Quản lý Dự án	GFA Đức
69	Ông Đinh Thế Dũng	Đại diện	GFA Hà Nội
<b>Dự án Quản lý Nước thải</b>			
70	Ông Phạm Ngọc Thái	Trưởng Ban	Bộ Xây dựng - PMU
71	Ông Nguyễn Đông	Phó ban	Bộ Xây dựng - PMU
72	Ông Trần Văn Tuấn	CV	Bộ Xây dựng - PMU
73	Bà Hoàng Lệ Thủy	CV	Bộ Xây dựng - PMU
74	Bà Trần Ngọc Thanh	CV	Bộ Xây dựng - PMU
75	Lutz Kleeberg	CTA	WWM
76	Ông Đồng Minh Thu	Giám đốc WELI	WWM
77	Nguyễn Thị Hải Đức	QL. văn phòng	WWM
78	Nguyễn Thị Thu Hiền	Phiên dịch	WWM
79	Lan	Phiên dịch	WWM

**Phụ biểu 4:  
Bảng kế hoạch dự án  
đã cập nhật (5/2005)**

## Kế hoạch Hoạt động

Tên Dự án: **Dự án Quản lý Nước thải tại các Tỉnh lỵ ở Việt Nam**

Thời gian lập kế hoạch: **5/ 2005 đến 1/ 2008**

Chuẩn bị ngày: 12.05.2005

### BẢNG KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG MỚI CẬP NHẬT

(biểu thời gian cụ thể sẽ được xây dựng với từng tỉnh tham gia dự án trên cơ sở tình hình thực tế, nhu cầu và cơ cấu thể chế)

Chiến lược	Các chỉ tiêu	Rủi ro
<p><b>Mục tiêu chung của dự án:</b></p> <p>Các công ty quản lý nước thải ở 6 tỉnh lỵ vận hành hệ thống thoát nước mưa và hệ thống nước thải một cách tiết kiệm theo kế hoạch đã thống nhất</p>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nước mưa và nước thải được thu gom và xử lý theo kế hoạch và tiêu chuẩn đã thống nhất</li> <li>2. Trạm bơm nước mưa hoạt động theo kế hoạch đã thống nhất và giảm đáng kể tình trạng ngập lụt</li> <li>3. Nước thải đổ vào sông suối từ các nhà máy xử lý được các Sở TN&amp;MT kiểm soát theo pháp luật hiện hành của Việt Nam</li> <li>4. Mức thu từ phí sử dụng trang trại được các chi phí vận hành và bảo dưỡng hệ thống thu gom và xử lý nước thải mới được xây dựng</li> <li>5. Các Bộ và các cơ quan có liên quan sử dụng kinh nghiệm và các đề xuất của dự án để xây dựng các quy định và tiêu chuẩn về nước thải cho phù hợp</li> </ol>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Quý tài chính và nguồn thu từ phí sử dụng không đủ để thực hiện dự án và vận hành hệ thống</li> </ul>
<p><b>Mục tiêu của Giai đoạn Một:</b></p> <p>Các công ty quản lý nước thải ở 6 tỉnh lỵ vận hành hệ thống thoát nước mưa hiện có theo các tiêu chuẩn đã được thống nhất và được chuẩn bị để nhận thêm các nhiệm vụ mới khi có thêm hệ thống thu gom và xử lý nước thải.</p>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Lực lượng quản lý của các công ty quản lý nước thải có đủ năng lực vận hành hệ thống thoát nước theo các kế hoạch đã được thống nhất</li> <li>2. Điều kiện vận hành hệ thống thoát nước và công tác bảo dưỡng được ghi chép lại cho ít nhất là 60% hệ thống thoát nước của công ty</li> <li>3. Biểu phí nước thải bao gồm được các chi phí vận hành và bảo dưỡng và không quá 5% thu nhập trung bình của hộ gia đình được đặt ra ở tất cả 6 thành phố tham gia dự án</li> <li>4. 60% hộ gia đình được kết nối với hệ thống thoát nước và sẵn sàng trả phí hàng tháng</li> <li>5. 2/3 cán bộ quản lý của các cơ quan liên quan cấp tỉnh và các bộ có được thông tin về dự án qua mạng internet</li> </ol>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các UBND tỉnh không thúc ép thi hành biểu phí nước thải bao gồm các chi phí vận hành và bảo dưỡng</li> <li>• Các hộ từ chối trả phí bao gồm các chi phí vận hành và bảo dưỡng</li> </ul>

## Kế hoạch Hoạt động

**Kết quả 1: Tăng cường năng lực [tổ chức, quản lý và vận hành] của các cơ quan quản lý nước thải ở các tỉnh lỵ, đảm bảo vận hành bảo dưỡng các hệ thống nước thải một cách hiệu quả hơn**

Các tiêu chí:

Vào cuối giai đoạn một của dự án, kế hoạch phát triển công ty được xây dựng cho từng công ty tham gia dự án và được các công ty sử dụng làm hướng dẫn thực thi và công cụ quản lý

Vào cuối giai đoạn một của dự án, cán bộ Sở TN&MT của từng tỉnh tham gia dự án bắt đầu thiết lập được chương trình theo dõi chất lượng nước mặt trong các sông, suối có nhận nước thải sau khi đã xử lý từ các nhà máy xử lý nước thải được xây dựng thông qua đồng tài trợ của KfW

Vào cuối giai đoạn một của dự án, xác định được và tài liệu hóa một cách có hệ thống những điểm tắc và hỏng hóc của 60% hệ thống thoát nước/nước thải

Vào cuối giai đoạn một của dự án, có được các sách hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng hệ thống cống, trạm bơm, các nhà máy xử lý và phân tích nước thải (một phần do Hỗ trợ Tài chính cung cấp)

Vào cuối giai đoạn một của dự án, các nhân viên kiểm tra chất lượng nước đã có khả năng vận hành thành thạo các thiết bị kiểm tra theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế.

No.	Các hoạt động	Các tiêu chí	Người chịu trách nhiệm	Người hỗ trợ	Chi phí hoạt động		Ghi chú
					VN	Đức	
1.1	Thành lập BQLDA tỉnh	BQLDA tỉnh được thành lập theo quyết định của UBND tỉnh	UBND tỉnh	BQLDA TW	BQLDA tỉnh		
1.2	Đánh giá khung thể chế, cơ cấu công ty và quy trình hoạt động nội bộ	Ra được báo cáo và chuyển báo cáo lên Bộ XD và UBND tỉnh	WWM	Công ty		WWM	
1.3	Tạo được cơ sở dữ liệu đáng tin cậy về hoạt động của công ty	Những người ra quyết định nhận được thông tin về hoạt động của công ty	WWM	Công ty		WWM	
1.4	Chuẩn bị kế hoạch hoạt động chi tiết cho từng tỉnh lỵ	Bản kế hoạch hoạt động chi tiết được trình bày với những người ra quyết định ở tỉnh và được chấp thuận	WWM	Công ty		WWM	
1.6	Thực hiện đào tạo và soạn kế hoạch phát triển công ty .	Kế hoạch phát triển công ty hoàn chỉnh để trình UBND tỉnh	Công ty	WWM	Cùng chia sẻ kinh phí	Cùng chia sẻ kinh phí	

## Kế hoạch Hoạt động

No.	Các hoạt động	Các tiêu chí	Người chịu trách nhiệm	Người hỗ trợ	Chi phí hoạt động		Ghi chú
					VN	Đức	
1.7	Trình Kế hoạch phát triển công ty lên UBND tỉnh phê duyệt	Kế hoạch phát triển công ty được UBND tỉnh phê duyệt	Công ty	WWM	Công ty		
1.8	Thiết lập hệ thống quản lý thông tin để tạo điều kiện cho việc thực hiện các yếu tố chiến lược của kế hoạch phát triển công ty	Hệ thống quản lý thông tin được cài đặt và đào tạo được những cán bộ được chọn	WWM	Công ty	Cùng chia sẻ kinh phí	Cùng chia sẻ kinh phí	
1.9	Đánh giá nhu cầu đào tạo kỹ thuật theo các hoạt động của kế hoạch phát triển công ty, chuẩn bị sách hướng dẫn, lập lịch đào tạo và thực hiện hoạt động đào tạo	BQLDATW và BQLDA tỉnh nhất trí với đánh giá đào tạo kỹ thuật và lịch đào tạo, hoạt động đào tạo được thực hiện theo lịch đã thống nhất	WWM	Công ty	Cùng chia sẻ kinh phí	Cùng chia sẻ kinh phí	
1.10	Đào tạo những cán bộ đã được chọn và tiến hành kiểm kê tài sản cố định	Nhóm kiểm kê được thành lập, những cán bộ đã được đào tạo tiến hành điều tra hiện trường và tài liệu hoá các kết quả điều tra này	Công ty	WWM	Cùng chia sẻ kinh phí	Cùng chia sẻ kinh phí	
1.11	Hỗ trợ các sở TN&MT ở các tỉnh tham gia dự án nâng cao chuyên môn trong lĩnh vực giám sát vận hành xử lý nước thải	Các sở TN&MT bắt đầu xây dựng chương trình giám sát chất lượng	Sở TN&MT	WWM	Cùng chia sẻ kinh phí	Cùng chia sẻ kinh phí	

## Kế hoạch Hoạt động

**Kết quả 2:** Xây dựng và từng bước giới thiệu các hệ thống và cơ chế thu phí nhằm bù đắp những chi phí vận hành và bảo dưỡng các hệ thống nước thải đã được nâng cấp tại các trung tâm đô thị ở các tỉnh

Các tiêu chí:

Vào cuối giai đoạn này, sẽ áp dụng một hệ thống kế toán đã được điều chỉnh và rành mạch tại ba công ty tam gia dự án và lập ra một hệ thống thống kê về chi phí quản lý nước thải để vận hành và bảo dưỡng các hệ thống hiện có được tổng hợp cho ba công ty thị chính

Vào cuối giai đoạn này, dự trù được các chi phí vận hành và bảo dưỡng cho hệ thống quản lý nước thải đã được nâng cấp ở tất cả các tỉnhly tham gia dự án, dự trù này được sử dụng để lý giải các đề xuất về phí nước thải, trình lên UBND tỉnh phê duyệt

Cuối giai đoạn này, tất cả sáu thành phố tham gia dự án triển khai được phí nước thải bù đắp được các chi phí vận hành bảo dưỡng và không quá 5% thu nhập trung bình của các hộ

Cuối giai đoạn này, các quy định của địa phương được triển khai, nhằm đảm bảo rằng tất cả phí nước thải thu được sẽ được sử dụng để vận hành và bảo dưỡng hệ thống nước thải.

No.	Các hoạt động	Các tiêu chí	Người chịu trách nhiệm	Người hỗ trợ	Chi phí hoạt động		Ghi chú
					VN	Đức	
2.1	Xây dựng được cơ sở dữ liệu đáng tin cậy về tài chính	Những người ra quyết định nhận được thông tin về tài chính	WWM	Công ty		WWM	
2.2	Đánh giá nhu cầu đào tạo về tài chính theo các hoạt động của kế hoạch phát triển công ty, chuẩn bị sách hướng dẫn, lập chương trình đào tạo và thực hiện hoạt động đào tạo	BQLDATW và BQLDA tỉnh nhất trí với đánh giá đào tạo về tài chính và lịch đào tạo, hoạt động đào tạo được thực hiện theo lịch đã thống nhất	WWM	Công ty		WWM	
2.3	Tính toán chi phí vận hành và bảo dưỡng và đề xuất cơ cấu phí	UBND tỉnh được thông báo về chi phí vận hành và bảo dưỡng hệ thống nước thải và thoát nước	WWM	Công ty		WWM	
2.4	Xây dựng khung pháp lý đối với phí sử dụng/phí khách hàng	UBND tỉnh phê duyệt việc triển khai thu phí nước thải	BQLDA TW, Công ty	WWM	Công ty		
2.5	Triển khai các biện pháp và các cách tổ chức thu phí hữu hiệu	UBND tỉnh phê duyệt phương pháp thu phí và tiến hành được các hoạt động truyền thông trong nhân dân	Công ty	WWM	Công ty		
2.6	Hỗ trợ từng bước triển khai việc thu phí sử dụng trên cơ sở chi phí vận hành bảo dưỡng thực tế	Phí sử dụng được thu theo biểu phí nước thải	Công ty	WWM	Công ty		

## Kế hoạch Hoạt động

<b>Kết quả 3: Những người hưởng lợi ở các tỉnh lỵ tham gia dự án nhận thức được quyền lợi và trách nhiệm của họ về quản lý nước thải và họ tham gia tích cực</b>							
<u>Các tiêu chí:</u>							
Cuối giai đoạn này, ít nhất 60% hộ gia đình kết nối với hệ thống thoát nước chung ở tất cả các tỉnh lỵ tham gia dự án sẽ trả phí nước thải							
Cuối giai đoạn này __% hộ gia đình trên địa bàn dự án tham gia thường xuyên các chiến dịch vệ sinh đường phố tại khu dân cư của họ							
Phần lớn các hội phụ nữ tham gia tích cực vào hoạt động nâng cao nhận thức về vệ sinh và bảo vệ môi trường							
No.	Các hoạt động	Các tiêu chí	Người chịu trách nhiệm	Người hỗ trợ	Chi phí hoạt động		Ghi chú
					VN	Đức	
3.1	Đánh giá tình hình hiện nay, đánh giá nhu cầu đào tạo và chuẩn bị kế hoạch đào tạo	Những người ra quyết định nhận được thông tin về vấn đề này	WWM	Công ty		WWM	
3.2	Thiết kế các chiến dịch cộng đồng	Công ty sẵn sàng thực hiện các chiến dịch cộng đồng	WWM	Công ty		WWM	
3.3	Thông tin cho nhân dân biết về những lợi ích của dự án	Công ty thực hiện các chiến dịch cộng đồng theo kế hoạch đã thống nhất	Công ty	WWM	Công ty		
3.4	Tổ chức các chiến dịch vệ sinh đường phố thường xuyên tại các khu dân cư và thông tin cho dân biết về cách sử dụng hệ thống thoát nước		Công ty	WWM	Công ty		
3.5	Tiến hành đánh giá hoạt động của công ty thông qua việc lấy ý kiến của công chúng	Hàng năm công ty tiến hành xin ý kiến quản chúng (đến từng nhà) với 20% khách hàng	Công ty	WWM	Công ty		
3.6	Vận động dân kết nối với hệ thống nước thải chung của khu dân cư	Bộ phận quan hệ khách hàng của công ty tích cực tiếp cận nhân dân	Công ty	WWM	Công ty		
3.7	Hỗ trợ các hộ nghèo xây dựng khu vệ sinh phù hợp để kết nối với hệ thống nước thải chung của đô thị		Công ty	WWM	Công ty		
3.8	Vận động dân thường xuyên hút bể phốt	Ra được và thực hiện được cơ chế thông hút bể phốt thường xuyên.	Công ty	WWM	Công ty		

## Kế hoạch Hoạt động

### Kết quả 4: Tăng cường hợp tác và chia sẻ thông tin trong các cấp và giữa các cấp trung ương và địa phương

Tiêu chí:

Cuối giai đoạn này các bên tham gia chính khẳng định rằng họ đã sử dụng thông tin qua mạng internet để học hỏi kinh nghiệm và các hoạt động của những dự án khác

Cuối giai đoạn này thực hiện được việc kiểm tra tiến độ dự án và đề xuất được các kinh nghiệm về quản lý nước thải lên Bộ Xây dựng

No.	Các hoạt động	Các tiêu chí	Người chịu trách nhiệm	Người hỗ trợ	Chi phí hoạt động		Ghi chú
					VN	Đức	
4.1	Xây dựng mối liên lạc với các thành phố khác, các tổ chức (Diễn đàn Đô thị, Quỹ Môi trường, Global Campus 21 v.v.) và các dự án do các tổ chức khác tài trợ để chia sẻ kinh nghiệm và tìm kiếm cơ hội đào tạo	Xây dựng được quan hệ và tiến hành trao đổi thông tin và kinh nghiệm	WWM	BQLDA TW	Cùng chia sẻ kinh phí	Cùng chia sẻ kinh phí	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trao đổi cán bộ các công ty để học hỏi lẫn nhau (Thoả thuận đối tác)</li> <li>- Chia sẻ kinh nghiệm với các tỉnh cũng có các dự án ODA trong lĩnh vực nước thải, chất thải rắn và môi trường</li> <li>- Thông qua Diễn đàn Đô thị, tổ chức họp với các tỉnh tham gia dự án</li> <li>- Thành lập nhóm công tác "chia sẻ kinh nghiệm" cho tất cả các tỉnh dự án</li> <li>- Thiết lập quan hệ với Hội Cấp Thoát Nước, tổ chức này cũng đã tham gia một phần các hoạt động của dự án quản lý nước thải</li> <li>- Thiết lập quan hệ với SEAWUN</li> <li>- Tạo ra những kết nối mạng internet và thông báo bằng e-mail cho các tỉnh dự án về những sự kiện có liên quan do các nhà tài trợ và các tổ chức khác tiến hành</li> </ul>						

## Kế hoạch Hoạt động

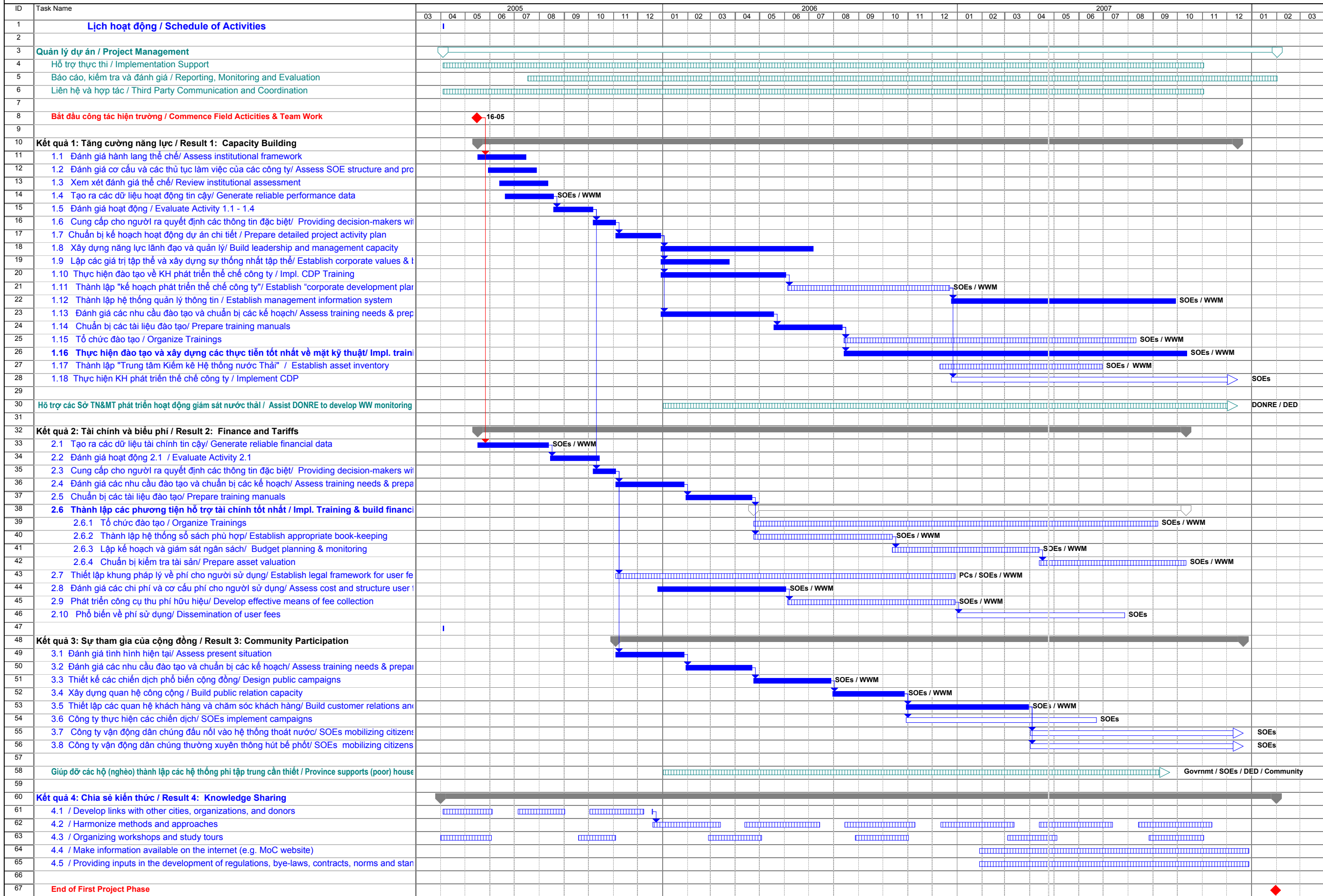
No.	Các hoạt động	Các tiêu chí	Người chịu trách nhiệm	Người hỗ trợ	Chi phí hoạt động		Ghi chú
					VN	Đức	
4.2	Hài hoà hoá các phương pháp và các cách tiếp cận	Các quy trình tiêu chuẩn được lựa chọn, các biện pháp và công cụ phát triển thể chế được phổ biến	WWM	BQLDA TW	Cùng chia sẻ kinh phí	Cùng chia sẻ kinh phí	
4.3	Tổ chức các hội thảo và thăm quan khảo sát	Các hội thảo được tiến hành theo yêu cầu, theo khả năng nguồn vốn và nguồn lực	WWM	BQLDA TW	Cùng chia sẻ kinh phí	Cùng chia sẻ kinh phí	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội thảo theo vùng nhằm tiết kiệm chi phí</li> <li>- Hội thảo về các chủ đề cụ thể về điều kiện / tình hình thực tế</li> <li>- Các hội thảo chia sẻ kinh nghiệm trong quản lý dự án nước thải, về những cơ hội, những bài học thu được và các đề xuất cải tiến</li> <li>- Thăm quan khảo sát các tỉnh tham gia dự án và các tỉnh khác có dự án tương tự</li> <li>- Thăm quan khảo sát các hệ thống / mô hình quản lý nước thải trong nước và các nước trong vùng</li> <li>- Hợp thường xuyên với cơ quan báo chí để cung cấp thông tin về tiến độ và thành quả của dự án</li> </ul>						
4.4	Đưa thông tin lên mạng internet (ví dụ như trang web của Bộ XD)	Trang web được xây dựng và duy trì	WWM	BQLDA TW	Cùng chia sẻ kinh phí	Cùng chia sẻ kinh phí	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đưa thông tin lên trang web của Bộ XD</li> <li>- Đưa thông tin lên trang web của các tỉnh tham gia dự án quản lý nước thải</li> <li>- Cung cấp những thông tin về kỹ thuật có liên quan</li> <li>- Ra bản tin điện tử</li> </ul>						

## Kế hoạch Hoạt động

No.	Các hoạt động	Các tiêu chí	Người chịu trách nhiệm	Người hỗ trợ	Chi phí hoạt động		Ghi chú
					VN	Đức	
4.5	Cung cấp đóng góp đầu vào để xây dựng các quy chế, các văn bản dưới luật, hợp đồng, các định mức và tiêu chuẩn	Phổ biến về các hội thảo chuyên đề đã tiến hành, đánh giá phản hồi của trung ương, đưa ra kết luận và các đề xuất	WWM	BQLDA TW	Cùng chia sẻ kinh phí	Cùng chia sẻ kinh phí	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thu thập, lên danh mục (cơ sở dữ liệu) tất cả các văn bản pháp luật / quy định về quản lý nước thải, cũng như các tiêu chuẩn và đơn giá.</li> <li>- Phân tích khung pháp lý tại hội thảo với 6 tỉnh, nhận các ý kiến góp ý, chỉ ra được những điểm yếu/chưa phù hợp và đề xuất lên các cơ quan có liên quan những điều chỉnh văn bản pháp lý</li> <li>- Tổ chức trình bày nhằm chỉ ra cho các cơ quan có liên quan (Bộ XD, Bộ TN&amp;MT, Bộ TC và UBND tỉnh) thấy được cách tính biểu phí bao gồm chi phí vận hành và bảo dưỡng</li> <li>- Trao đổi với Bộ TC và đề nghị Bộ XD áp dụng nghị định 67, đặc biệt là đối với phí nước thải cho người sử dụng ở sáu tỉnh tham gia dự án</li> </ul>						

## **Phụ biểu 5: Biểu thời gian thực hiện dự án**

## Wastewater Management in Urban Provincial Center



## **Phụ biểu 6: Phương pháp thực hiện dự án (GFA)**

## Hỗ trợ Kỹ thuật của Dự án – Phương pháp Thực hiện – Các mối Liên quan

### 1. TÌNH HÌNH HIỆN NAY CỦA HỢP PHẦN HỖ TRỢ KỸ THUẬT

Theo Thỏa thuận Thực hiện Dự án được ký giữa Bộ Xây dựng và GTZ vào tháng 2 năm 2005, các cơ quan thực hiện dự án quản lý nước thải bao gồm 6 tỉnh là Bắc Ninh, Cần Thơ, Hải Dương, Sóc Trăng và Trà Vinh. Giai đoạn một dự án dự định là ba năm.

Cho tới nay, hội thảo lập kế hoạch dự án với các đại biểu cấp tỉnh đã được tổ chức tại Hà Nội ngày 20 tháng 4 năm 2005. Bên cạnh đó, các công ty tham gia dự án đã tiến hành tự đánh giá sơ bộ về thể chế của công ty mình.

### 2. CÁC THÀNH PHẦN CƠ BẢN CỦA HỢP PHẦN HỖ TRỢ KỸ THUẬT

Dự án quản lý nước thải sẽ góp phần quản lý môi trường tốt hơn bằng cách thực hiện các hoạt động chính sau: (a) hỗ trợ tăng cường năng lực cho các công ty tham gia dự án nhằm tăng hiệu quả công tác nội bộ và cải thiện chất lượng dịch vụ, (b) hỗ trợ giới thiệu biểu phí nước thải cho khách hàng và xây dựng hệ thống thu phí, (c) thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng, và (d) xây dựng được hoạt động điều phối hợp tác và chia sẻ kinh nghiệm giữa các bên tham gia dự án ở cấp tỉnh lý, cấp tỉnh và cấp trung ương.

Một hệ thống giám sát đánh giá nội bộ sẽ hỗ trợ hoạt động thực hiện dự án quản lý nước thải. Ban Chỉ đạo Dự án có trách nhiệm theo dõi, giám sát dự án.

#### 2.1 Tăng cường Năng lực

Định nghĩa: >>Tăng cường năng lực tạo ra “giá trị dịch vụ” bằng tiền do chính phủ và các cộng đồng chi ra<<

Dự án quản lý nước thải sẽ khởi xướng các hoạt động của dự án bằng công tác chuẩn bị các “kế hoạch phát triển về thể chế” cho từng công ty tham gia dự án. Các kế hoạch phát triển thể chế này sẽ đề cập một cách chi tiết đến mười khía cạnh quan trọng nhất về thể chế như đã giới thiệu cho các công ty này vào tháng 3 năm 2005, đó là: (1) Lãnh đạo và Quản lý, (2) Tài chính, (3) Yêu cầu của Khách hàng, (4) Chiến lược và Lập Kế hoạch, (5) Nguồn nhân lực, (6) Cơ cấu Tổ chức, (7) Các Quá trình và Thủ tục Làm việc, (8) Hợp đồng với bên ngoài, (9) Quản lý Dữ liệu và Kiến thức, và (10) Thực hiện Tổ chức.

Ở bước đầu tiên, dự án quản lý nước thải sẽ phân tích chi tiết tình hình thể chế tổ chức hiện nay và tình hình thực hiện (phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và nguy cơ) của từng công ty tham gia dự án. Tiếp theo, từng công ty sẽ xác định quan điểm của mình về thể chế, giá trị về thể chế của công ty, các chuẩn mực dịch vụ mà công ty mong muốn, các mục tiêu thực hiện mà công ty muốn đạt được đến năm 2010.

Bước thứ hai, dự án sẽ phối hợp chặt chẽ với từng công ty để xây dựng một “chiến lược nâng cao hoạt động công tác”. Cụ thể, chiến lược này sẽ đề cập đến các hoạt động hiệu quả nhất và các biện pháp mà công ty sẽ thực hiện. Việc thực hiện chiến lược nâng cao hoạt động công tác sẽ được hỗ trợ bằng một “hệ thống quản lý thông tin” và hệ thống này sẽ được thiết lập ở từng công ty.

Bước thứ ba, UBND tỉnh sẽ phê duyệt Kế hoạch Phát triển Thể chế, sau đó công ty sẽ thực hiện chiến lược thực hiện đã được xác định, các biện pháp và hoạt động. Dự án quản lý nước thải sẽ hỗ trợ thực hiện các Kế hoạch Phát triển Thể chế trong phạm vi nguồn lực của dự án.

## 2.2 Thu phí

**Định nghĩa:** >>Phí sử dụng sẽ bao gồm các chi phí vận hành và bảo dưỡng cho hệ thống thoát nước mưa và nước thải<<

Cơ sở pháp lý cho hệ thống thu phí sử dụng sẽ được xây dựng và cơ chế thu phí sẽ được thiết lập với sự hỗ trợ của dự án quản lý nước thải nhằm thu hồi lại được các chi phí vận hành và bảo dưỡng hệ thống thoát nước công cộng đã được nâng cấp.

Mục đích cuối cùng của các nhà cung cấp dịch vụ cộng đồng là tạo ra được hoạt động bền vững thông qua quản lý hiệu quả, lực lượng lao động có kỹ năng và có đủ nguồn tài chính cho các chi phí vận hành bảo dưỡng hệ thống thu gom nước thải và các thiết bị xử lý.

Do đó, sự tham gia tích cực của những người ra quyết định trong quá trình phát triển thể chế ở cấp tỉnh lý và cấp tỉnh có tầm quan trọng đặc biệt.

## 2.3 Sự Tham gia của Cộng đồng

**Định nghĩa:** >>Sự tham gia của cộng đồng là cách thực hiện tốt nhất nhằm làm hài hòa những mong muốn của cộng đồng và năng lực của công ty với các quy tắc và quy định hiện hành của chính phủ <<

Dự án quản lý nước thải sẽ hỗ trợ các công ty tham gia dự án trong việc xây dựng một “chiến lược cộng đồng” bao gồm: (a) thông tin và tư vấn công cộng thường xuyên, (b) xây dựng hoạt động chăm sóc khách hàng, (c) thiết lập các cơ chế khuyến khích các hộ gia đình kết nối vào hệ thống thoát nước, và (d) phát hiện nhanh chóng những vấn đề nhạy cảm về môi trường.

Chiến lược, cách tiếp cận và công cụ cho hoạt động tham gia của cộng đồng sẽ được các công ty và các chuyên gia của dự án quản lý nước thải cùng xây dựng. Việc thực hiện trên thực tế các biện pháp đã thống nhất sẽ do các công ty có liên quan đảm nhiệm.

## 2.4 Chia sẻ Kiến thức

**Định nghĩa:** >>Chia sẻ kiến thức là cách hiệu quả nhất để “học hỏi và phát triển” về thể chế thông qua việc áp dụng các “thực tế thực hiện xuất sắc về thể chế”<<.

Dự án quản lý nước thải sẽ thiết lập một cơ sở thông tin về “các thực tế thực hiện điển hình về thể chế”. Thông tin này sẽ được chia sẻ với các bên tham gia dự án và các dự án tài trợ khác trong ngành. Việc chia sẻ kiến thức một cách hiệu quả sẽ có hai tác động cụ thể là: (a) tác động bên ngoài: giúp những người ra quyết định ở cấp trung ương và cấp tỉnh cải thiện được bức tranh về thể chế, và (b) tác động nội bộ: tăng cường “năng lực và chất lượng hoạt động công tác” của các công ty tham gia dự án thông qua việc áp dụng một cách có lựa chọn các thực tiễn thực hiện xuất sắc về thể chế.

## 2. Hỗ trợ của Dự án Quản lý Nước thải

Hỗ trợ của dự án quản lý nước thải chú trọng vào các đóng góp đầu vào của dự án thông qua ba nhóm hoạt động chiến lược là: (a) phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có liên quan ở cấp trung ương, cấp tỉnh và tỉnh lý để thực hiện các hoạt động đã được thống nhất trong Bảng Kế hoạch Dự án (được Ban Chỉ đạo Dự án phê duyệt), (b) chuẩn bị các chương trình đào tạo và thực hiện các khóa đào tạo theo yêu cầu, tuân theo danh sách các chương trình đào tạo đã được thống nhất, và (c) hỗ trợ xây dựng các quan điểm, chiến lược và viễn cảnh trong lĩnh vực quản lý nước thải ở Việt Nam.

### 3. VAI TRÒ CỦA HỖ TRỢ KỸ THUẬT, HỖ TRỢ TÀI CHÍNH VÀ CÁC CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN CỦA ĐỨC

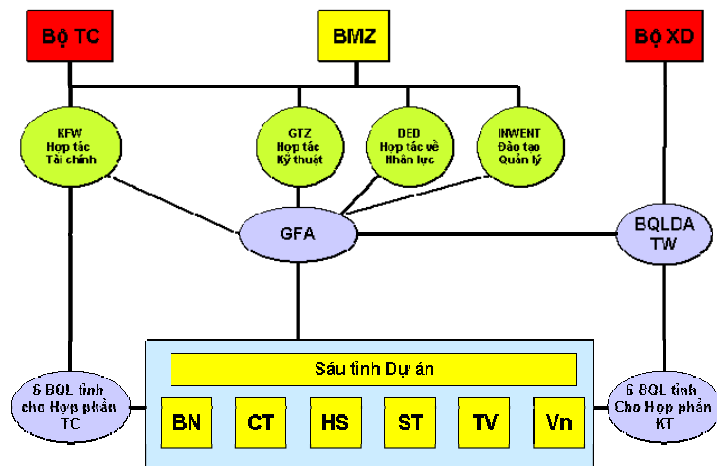
Dự án quản lý nước thải là dự án hợp tác chính thức giữa các cơ quan phát triển của Đức là KfW (hỗ trợ tài chính) và GTZ (hỗ trợ kỹ thuật); cả hai cơ quan này hoạt động dưới sự chỉ đạo của Bộ Hợp tác Liên bang. Tuy nhiên, các tổ chức khác như Cơ quan Hợp tác về Nhân lực (DED) và INWENT cũng là những đối tác tiềm năng của dự án.

Sơ đồ sau đưa ra bức tranh tổng thể về cơ cấu quản lý các hợp phần hợp tác tài chính và hợp tác kỹ thuật của dự án và chỉ ra các cơ quan có liên quan trực tiếp đến dự án.

#### 3.1 Hỗ trợ Tài chính (KfW)

Nhiệm vụ chính của Hỗ trợ Tài chính là thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng nước thải ở các thành phố tham gia dự án, bao gồm hệ thống thu gom, trạm bơm, các trung tâm xử lý trong đó có thiết bị phòng thí nghiệm để phân tích nước thải. Ngoài ra, KfW sẽ viện trợ không hoàn lại để đào tạo các cán bộ vận hành. Sẽ có đủ cán bộ vận hành hệ thống nước thải cho các công ty tham gia dự án trong vài tháng trước khi các thiết bị và trung tâm quản lý nước thải do KfW hỗ trợ hoạt động.

#### Cơ cấu Quản lý Dự án (Hợp phần Hỗ trợ Tài chính và Kỹ thuật)



#### 3.2 Hỗ trợ Kỹ thuật (GTZ)

Hỗ trợ Kỹ thuật có nhiệm vụ thực hiện các hoạt động được nêu trong phần 2 ở trên. GTZ đã cử GFA thực hiện hợp phần kỹ thuật. Do đó, GFA điều phối chặt chẽ với các BQL dự án trung ương và tỉnh để cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho các cơ quan tham gia dự án ở tỉnh / tỉnh lỵ. Bên cạnh đó, GFA còn phối hợp với KfW và các tư vấn hiện trường của KfW, các nhà tài trợ và các dự án khác của GTZ có liên quan đến lĩnh vực quản lý nước thải.

Cơ quan Hợp tác về nhân lực của Đức là DED sẽ tham gia hợp phần kỹ thuật để cung cấp những đóng góp chuyên môn ở các tỉnh được chọn, có thể là trong lĩnh vực quản lý nhánh nước thải và sự tham gia của cộng đồng.

INWENT sẽ tham gia dự án nhằm thực hiện một số khóa đào tạo được lựa chọn về quản lý cho các nhà ra quyết định ở cấp trung ương và/hoặc cấp tỉnh.

Quy mô chính xác về công việc và sự tham gia của DED và INWENT sẽ được các bên tham gia dự án xác định trong thời gian tới thông qua một quá trình tư vấn riêng.

Dự án đào tạo dạy nghề của GTZ ở Việt Nam không trực tiếp tham gia vào các hoạt động của dự án quản lý nước thải; tuy nhiên dự án này hỗ trợ giáo dục dạy nghề cho các công nhân vệ sinh - những người có thể sẽ được các công ty quản lý nước thải tuyển dụng.

Tất cả các cơ quan hỗ trợ kỹ thuật của Đức sẽ điều phối các hoạt động của mình thông qua văn phòng quản lý dự án của GFA.

**Phụ biểu 11:  
kết quả thảo luận của các đại biểu  
trong hội thảo 20/4/2005**

## **Nội dung của phụ biểu 11:**

Trong hội thảo ngày 20 tháng 4 năm 2005, người điều khiển hội thảo đã trình bày các kết quả 1, 2, 3 của dự án như đã được trình bày trong hội thảo lập kế hoạch hoạt động đã diễn ra tại Hà Nội vào tháng 6/2003.

Các bảng biểu sau đây phản ánh các ý kiến bình luận của các đại biểu tham dự hội thảo về các kết quả của dự án:

- Kết quả 1:** Tăng cường năng lực [tổ chức, quản lý và vận hành] của các cơ quan quản lý nước thải ở các tỉnh lỵ, đảm bảo vận hành bảo dưỡng các hệ thống nước thải một cách hiệu quả hơn
- Kết quả 2:** Xây dựng và từng bước giới thiệu các hệ thống và cơ chế thu phí nhằm bù đắp những chi phí vận hành và bảo dưỡng các hệ thống nước thải đã được nâng cấp tại các trung tâm đô thị ở các tỉnh
- Kết quả 3:** Những người hưởng lợi ở các tỉnh lỵ tham gia dự án nhận thức được quyền lợi và trách nhiệm của họ về quản lý nước thải và họ tham gia tích cực

Các ý kiến bình luận của các đại biểu tham dự hội thảo đã được ghi lại trong Bảng kế hoạch hoạt động (xem phụ biểu 4).

## KẾT QUẢ 1: XÂY DỰNG NĂNG LỰC

Các hoạt động theo Bảng Kế hoạch Dự án tháng 6/2003		Các ý kiến đóng góp trong hội thảo 20/4/2005	
			Cần một kết quả mới: Khung pháp lý cho việc thu phí nước thải/Cơ chế để cải thiện điều kiện môi trường và sức khỏe, gắn với quản lý nước thải
1.2	Phổ biến các chi phí		Bộ Xây dựng: Các điều kiện chung - Các văn bản pháp quy: các nghiên cứu, đào tạo. Đây là cơ sở pháp lý cho các công việc trong tương lai
1.3	Cung cấp thông tin cho các nhà hoạch định chính sách và các nhà quản lý ở địa phương		Biểu phí: trợ giá - Biểu phí chung cho tất cả các tỉnh hay riêng cho từng tỉnh? - Cần có điều kiện khung từ trung ương cho việc thực hiện biểu phí mới - Bộ Xây dựng đưa ra ví dụ về biểu phí - Ngân sách của tỉnh chưa rõ
1.4	Tăng cường quan hệ đối ngoại, thiết lập quan hệ với khách hàng		- Phí cấp nước và thoát nước phải thu chung
1.5	Đánh giá nhu cầu đào tạo và lập chương trình đào tạo	Kiến thức chuyên ngành của nhân viên	- Phương tiện hỗ trợ tài chính của tỉnh và thành phố
1.6	Vận hành, bảo dưỡng hệ thống nước thải theo tiêu chuẩn và đạt hiệu quả		
1.7	Giúp đỡ các Sở TN&MT phát triển khả năng kiểm tra hoạt động sử lý nước thải	- Giám sát nước thải - Không có hệ thống giám sát nước thải	
	Thành lập Ban Chỉ đạo		

## KẾT QUẢ 2: THU PHÍ

Các hoạt động theo Bảng Kế hoạch Dự án tháng 6/2003		Các ý kiến đóng góp trong hội thảo 20/4/2005	
2.1	Đảm bảo các quy định thích hợp cho việc thu phí nước thải	Cần có hỗ trợ của UBND: - Nếu phí thu được không đủ thì phần còn lại lấy ở đâu - Cần có một cơ cấu tài chính dài hạn	
2.2	Từng bước đưa ra mức thu (theo loại khách hàng và khả năng chi trả) dựa trên phí vận hành và bảo dưỡng hiện tại	Áp dụng cơ chế thu phí phù hợp với nhóm dân cư	Phí nước thải không quá 5% thu nhập, điều này có thể chấp nhận được đối với các thành phố lớn, nhưng đối với các đô thị nghèo cần phải xem xét lại
2.3	Đưa ra các phương thức thu phí hữu hiệu	Nguyên tắc là "Người thải nước bẩn phải trả phí"	Cấp nước và thoát nước chung một công ty gây nhiều bất cập, cấp nước có lợi nhuận, thoát nước: không mang lại lợi nhuận. Tuy nhiên không thể tách rời thành 2 công ty
2.4	Xây dựng các hệ thống kế toán hữu hiệu và đáng tin cậy	Lập phần mềm phục vụ công tác kiểm kê và đánh giá đầu tư	Việc chung một công ty cấp và thoát nước gây khó khăn cho hệ thống kế toán và lương cho cán bộ, không thể có 2 hệ thống lương trong 1 công ty, tuy nhiên bên cấp nước có lợi nhuận thì có thưởng, thoát nước lại không có lợi nhuận
2.5	Thu thập và phổ biến các số liệu tài chính, kiểm kê tài sản cố định		Trang trải được chi phí là điều quan trọng

### KẾT QUẢ 3: SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG

Các hoạt động theo Bảng Kế hoạch Dự án tháng 6/2003		Các ý kiến đóng góp trong hội thảo 20/4/2005
3.1	Thông báo cho nhân dân biết về các lợi ích của dự án	Thông báo với dân trước khi thực hiện
3.2	Nâng cao ý thức và hành vi của nhân dân, giảm bớt việc sử dụng sai mục đích hệ thống nước thải	Cần phải có chiến lược trong việc thông báo với dân
3.3	Tổ chức các chiến dịch vệ sinh đường phố	Sự tham gia của công chúng (tự quản lý) là một phần công việc của dự án
3.4	Tuyên truyền, động viên quần chúng trả phí nước thải	Cách thức tham gia của dân là một điều quan trọng
3.5	Huy động các hộ dân kết nối với hệ thống nước thải chung	Ý kiến của dân là quan trọng và cần phải tiếp thu
3.6	Giúp đỡ các hộ nghèo xây dựng nhà vệ sinh đạt tiêu chuẩn	GFA tư vấn cho các tỉnh
3.7	Động viên nhân dân thường xuyên hút bể phốt	Cần phải chi tiết hoá tỷ lệ đóng góp 75%-25%
		80% dân có nước sạch nhưng không trang trải nổi các chi phí vận hành

**Kết quả 4 : Tăng cường hợp tác và chia sẻ thông tin trong các cấp và giữa các cấp trung ương và địa phương**

No.	Các hoạt động	Ý kiến của các đại biểu
4.1	Xây dựng mối liên lạc với các thành phố khác, các tổ chức (Diễn đàn Đô thị, Quỹ Môi trường, Global Campus 21 v.v.) và các dự án do các tổ chức khác tài trợ để chia sẻ kinh nghiệm và tìm kiếm cơ hội đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trao đổi cán bộ các công ty để học hỏi lẫn nhau (Thoả thuận đối tác)</li> <li>- Chia sẻ kinh nghiệm với các tỉnh cũng có các dự án ODA trong lĩnh vực nước thải, chất thải rắn và môi trường</li> <li>- Thông qua Diễn đàn Đô thị, tổ chức họp với các tỉnh tham gia dự án</li> <li>- Thành lập nhóm công tác “chia sẻ kinh nghiệm” cho tất cả các tỉnh dự án</li> <li>- Thiết lập quan hệ với Hội Cấp Thoát Nước, tổ chức này cũng đã tham gia một phần các hoạt động của dự án quản lý nước thải</li> <li>- Thiết lập quan hệ với SEAWUN</li> <li>- Tạo ra những kết nối mạng internet và thông báo bằng e-mail cho các tỉnh dự án về những sự kiện có liên quan do các nhà tài trợ và các tổ chức khác tiến hành</li> </ul>
4.2	Hài hoà hoá các phương pháp và các cách tiếp cận	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng các hình thức và công cụ tiêu chuẩn để áp dụng theo hoàn cảnh địa phương</li> <li>- Áp dụng các phương pháp và các tiếp cận khác nhau theo điều kiện của địa phương</li> <li>- Thu thập những thông tin về các mô hình khác nhau (kinh doanh / pháp lý) về các doanh nghiệp khi thực hiện các hoạt động dự án</li> </ul>
4.3	Tổ chức các hội thảo và tham quan khảo sát	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội thảo theo vùng nhằm tiết kiệm chi phí</li> <li>- Hội thảo về các chủ đề cụ thể về điều kiện / tình hình thực tế</li> <li>- Các hội thảo chia sẻ kinh nghiệm trong quản lý dự án nước thải, về những cơ hội, những bài học thu được và các đề xuất cải tiến</li> <li>- Hội thảo thường xuyên: 3 tháng một lần</li> <li>- Thăm quan khảo sát đến các tỉnh dự án và các tỉnh khác có dự án tương tự</li> <li>- Thăm quan khảo sát các hệ thống / mô hình quản lý nước thải trong nước và các nước trong vùng</li> <li>- Họp thường xuyên với cơ quan báo chí để cung cấp thông tin về tiến độ và thành quả của dự án</li> </ul>

**Báo cáo Hội thảo: GTZ/GFA-Bộ XD Quản lý Nước thải tại các Tỉnh ly ở Việt Nam**

No.	Các hoạt động	Ý kiến của các đại biểu
4.4	Đưa thông tin lên mạng internet (ví dụ như trang web của Bộ XD)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Diễn đàn trao đổi thông tin trực tuyến</li> <li>- Đưa thông tin lên trang web của Bộ XD</li> <li>- Đưa thông tin lên trang web của các tỉnh tham gia dự án quản lý nước thải</li> <li>- Cung cấp những thông tin về kỹ thuật có liên quan</li> <li>- Thường xuyên cập nhật các thông tin trên internet về dự án (hàng tuần...) và tiêu chuẩn hóa việc tải / thay đổi thông tin trên mạng</li> <li>- Ra bản tin điện tử với những thông tin có liên quan</li> </ul>
4.5	Cung cấp đóng góp đầu vào để xây dựng các quy chế, các văn bản dưới luật, hợp đồng, các định mức và tiêu chuẩn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thu thập, lên danh mục (cơ sở dữ liệu) tất cả các văn bản pháp luật / quy định về quản lý nước thải, cũng như các tiêu chuẩn và đơn giá.</li> <li>- Phân tích khung pháp lý tại hội thảo với 6 tỉnh, nhận các ý kiến góp ý, chỉ ra được những điểm yếu/chưa phù hợp và đề xuất lên các cơ quan có liên quan những điều chỉnh văn bản pháp lý</li> <li>- Cần có những văn bản pháp lý quy định cụ thể về "thoát nước"</li> <li>- Có thể có những cơ chế và chính sách khác nhau ở các địa phương khác nhau.</li> <li>- Khách hàng đánh giá hoạt động và trao đổi kết quả bằng cách sử dụng những bảng hỏi đơn giản.</li> <li>- Tổ chức trình bày nhằm chỉ ra cho các cơ quan có liên quan (Bộ XD, Bộ TN&amp;MT, Bộ TC và UBND tỉnh) thấy được cách tính biểu phí bao gồm chi phí vận hành và bảo dưỡng</li> <li>- Trao đổi với Bộ TC và đề nghị Bộ XD áp dụng nghị định 67, đặc biệt là đối với phí nước thải cho người sử dụng ở sáu tỉnh tham gia dự án</li> <li>- Dân chủ hóa những cuộc tiếp xúc với cộng đồng, tìm hiểu quan điểm của cộng đồng về phí nước thải</li> </ul>

## NHỮNG Ý KIẾN KHÁC

Chương trình Hợp tác Kỹ thuật	Phương pháp
Hệ thống thoát nước hiện nay không được sử dụng một cách hiệu quả. Dự án phải được sử dụng để xây dựng hệ thống thoát nước	Đối với đa số dân chỉ cần nhà sạch, phần còn lại họ không quan tâm. Do vậy, các chuyên gia kỹ thuật cần tư vấn về các công trình vệ sinh
Chưa rõ việc mua/trang thiết bị của các công trình	Cần lựa chọn đúng đối tượng để đào tạo
Hỗ trợ tài chính được phân bổ như thế nào?	Công việc của giai đoạn 2 bao gồm trong thời gian thực hiện dự án và hậu dự án
Tất cả các dự án phải được quản lý tốt cho đến năm 2008: - Việc đào tạo nâng cao kỹ năng của dự án có đủ không? - Điều gì sẽ xảy ra sau khi kết thúc dự án (2008)	Xây dựng hệ thống thoát nước kiểu mẫu, sau đó quảng bá và tiến tới đề nghị biểu phí
Hệ thống phải lớn mạnh và cần có kinh nghiệm	Đào tạo BQL DA tỉnh là cần thiết
Duy trì hệ thống bền vững sau khi kết thúc dự án	Nên thực hiện đào tạo theo khu vực, không nên thực hiện tại các tỉnh riêng lẻ
	Hợp tác với các cơ quan ban ngành khác
	Các nhu cầu được xác định thông qua trao đổi suy nghĩ. Hỗ trợ sẽ tốt hơn nếu chú ý đến đặc thù từng tỉnh
	Việc lựa chọn mô hình và phương pháp là quan trọng? Có nên lựa chọn như nhau cho tất cả các tỉnh?
	Trao đổi kinh nghiệm trong khu vực và trên quy mô quốc tế

**Phụ biểu 12:  
Kết quả thảo luận  
của các đại biểu trong hội thảo  
11/5/2005**

## **Nội dung của phụ biểu 12:**

Trong hội thảo ngày 11 tháng 5 năm 2005, người điều khiển hội thảo đã tóm tắt lại các kết quả 1, 2, 3 của dự án như đã được trình bày trong lần hội thảo ngày 20/4/2005.

Các đại biểu tham dự hội thảo đã được yêu cầu chia thành 2 nhóm thảo luận (nhóm Miền Nam và nhóm Miền Bắc) để đưa ra một kế hoạch cập nhật về các hoạt động như đã được thoả thuận.

Sau đây,

**các kết quả của nhóm thảo luận Miền Bắc được trình bày từ trang 1-4 và các kết quả của nhóm thảo luận Miền nam được trình bày từ trang 5-8.**

Tiếp theo, người điều khiển hội thảo đã trình bày về kết quả 4, kết quả đã được trình bày trong hội thảo lập kế hoạch hoạt động diễn ra vào tháng 6/2003 tại Hà nội.

Các bảng biểu sau đây,

**trang 9 và trang 10 phản ánh các ý kiến bình luận của các đại biểu tham dự hội thảo về kết quả 4 : Tăng cường hợp tác và chia sẻ thông tin trong các cấp và giữa các cấp trung ương và địa phương.**

Các ý kiến bình luận của các địa biểu tham dự hội thảo đã được ghi lại trong Bảng kế hoạch hoạt động (xem phụ biểu 4).

**Kết quả thảo luận về thời gian thực hiện các hoạt động/ Discussion Results on the Implementation Schedule**  
**Hội thảo lập kế hoạch hoạt động, 11/5/2005/ Operation Planning Workshop, May 11/2005**

**Nhóm Miền Nam/ South Group**

**Kết quả 1: Tăng cường năng lực/ Result 1: Capacity Building**

No.	Các hoạt động/ Activities	Q.III/2005	Q.IV/2005	Q.I/2006	Q.II/2006	Q.III/2006	Q.IV/2006
1.1	Assess institutional framework / Đánh giá hành lang thể chế	■					
1.2	Assess SOE's structure and procedures / Đánh giá cơ cấu và quy trình hoạt động nội bộ của công ty		■				
1.3	Generate reliable performance data / Tạo ra dữ liệu hoạt động tin cậy		■				
1.4	Provide decision makers with specialized information / Cung cấp thông tin cho người ra quyết định		■				
1.5	Prepare detailed operational plans / Chuẩn bị kế hoạch hoạt động dự án chi tiết	■					
1.6	Build leadership and management capacity / Xây dựng năng lực lãnh đạo và quản lý			■	■		
1.7	Implement CDP training / Thực hiện đào tạo về kế hoạch phát triển công ty		■	■			
1.8	Establish corporate development plan and performance benchmarks / Xây dựng kế hoạch phát triển công ty và các tiêu chuẩn thực hiện			■	■	■	
1.9	Submit CDP to PPC for approval / Trình kế hoạch phát triển công ty lên UBND tỉnh phê duyệt					■	
1.10	Establish MIS / Thiết lập hệ thống quản lý thông tin				■		

No.	Các hoạt động/ Activities	Q.III/2005	Q.IV/2005	Q.I/2006	Q.II/2006	Q.III/2006	Q.IV/2006
1.11	Assess training needs and prepare plans / Đánh giá nhu cầu đào tạo và chuẩn bị kế hoạch			—			
1.12	Prepare training materials / Chuẩn bị tài liệu đào tạo		—	—			
1.13	Implement training and build technical excellence / Thực hiện đào tạo và xây dựng điển hình thực hiện về kỹ thuật				—	—	
1.14	Establish asset inventory / Thành lập trung tâm kiểm tài sản cố định						
1.15	Implement CDP / Thực hiện kế hoạch phát triển công ty						—
1.16	Assist DONRE to develop WW monitoring / Hỗ trợ Sở TN&MT giám sát nước thải	Continuously					

**Kết quả 2: Tài chính và biểu phí/ Result 2: Finance and Tariffs**

No.	Các hoạt động/ Activities	Q.III/2005	Q.IV/2005	Q.I/2006	Q.II/2006	Q.III/2006	Q.IV/2006
2.1	Generate reliable data / Lập các dữ liệu đáng tin cậy	■					
2.2	Providing decision makers with specialized information / Cung cấp thông tin cho người ra quyết định		■				
2.3	Assess training needs and prepare plans / Đánh giá nhu cầu đào tạo và chuẩn bị kế hoạch		■				
2.4	Prepare training materials / Chuẩn bị tài liệu đào tạo			■			
2.5	Implementing training & build financial management excellence / Thực hiện đào tạo và xây dựng quản lý tài chính tốt nhất				■	■	■
2.5.1	<i>Establish appropriate accounting system / Thiết lập hệ thống kế toán phù hợp</i>				■		
2.5.2	<i>Budget planning and monitoring / Lập kế hoạch và giám sát quỹ vốn</i>						■
2.5.3	<i>Prepare asset evaluation / Chuẩn bị định giá tài sản</i>						
2.6	Establish legal frame for user fees / Xây dựng khung pháp lý về biểu phí cho người sử dụng		■				
2.7	Assess costs and structure of user fees / Đánh giá chi phí và cơ cấu phí sử dụng			■			
2.8	Develop effective means of fee collection / Xây dựng phương thức thu phí hữu hiệu			■			
2.9	Diseminate user fees / Phổ biến về phí sử dụng				■		

**Kết quả 3: Quan hệ cộng đồng/ Result 3: Community participation**

No.	Các hoạt động/ Activities	Q.III/2005	Q.IV/2005	Q.I/2006	Q.II/2006	Q.III/2006	Q.IV/2006
3.1	Assess present situation / Đánh giá tình hình hiện tại		■				
3.2	Assess training needs and prepare plans / Đánh giá nhu cầu đào tạo và chuẩn bị các kế hoạch			■	■		
3.3	Design public campaigns / Thiết kế các chiến dịch cộng đồng					■	■
3.4	Build public relation capacity / Xây dựng quan hệ cộng đồng		■				
3.5	Build customer relations and customer care / Xây dựng quan hệ khách hàng và chăm sóc khách hàng						■
3.6	SOE's implement campaigns / Công ty thực hiện chiến dịch						■
3.7	SOE's mobilize citizens to connect to tge sewerage system / Công ty vận động dân chúng đấu nối vào hệ thống thoát nước						■
3.8	Improve the habits and behavior of the public, particular to reduce misuse of the drainage systems / Nâng cao nhận thức của dân, giảm lạm dụng hệ thống thoát nước		■				
3.9	SOE's mobilize citizens to regularly empty their septic tanks / Công ty vận động dân thường xuyên thông hút bể phốt						■
3.10	Province supports (poor) households to build suitable decentralized facilities / Giúp các hộ nghèo xây dựng hệ thống phi tập trung						■

**Kết quả thảo luận về thời gian thực hiện các hoạt động/ Discussion Results on the Implementation Schedule**  
**Hội thảo lập kế hoạch hoạt động - 11/5/2005/ Operation Planning Workshop - May 11/2005**

**Nhóm Miền Bắc/ North Group**

**Kết quả 1: Tăng cường năng lực/ Result 1: Capacity Building**

No.	Các hoạt động/ Activities	Q.III/2005	Q.IV/2005	Q.I/2006	Q.II/2006	Q.III/2006	Q.IV/2006
1.1	Assess institutional framework / Đánh giá hành lang thể chế	■					
1.2	Assess SOE's structure and procedures / Đánh giá cơ cấu và quy trình hoạt động nội bộ của công ty	■					
1.3	Generate reliable performance data / Tạo ra dữ liệu hoạt động tin cậy		■				
1.4	Provide decision makers with specialized information / Cung cấp thông tin cho người ra quyết định		■				
1.5	Prepare detailed operational plans / Chuẩn bị kế hoạch hoạt động dự án chi tiết						■
1.6	Build leadership and management capacity / Xây dựng năng lực lãnh đạo và quản lý			■			
1.7	Implement CDP training / Thực hiện đào tạo về kế hoạch phát triển công ty				■		
1.8	Establish corporate development plan and performance benchmarks / Xây dựng kế hoạch phát triển công ty và các tiêu chuẩn thực hiện			■			
1.9	Submit CDP to PPC for approval / Trình kế hoạch phát triển công ty lên UBND tỉnh phê duyệt				■		

1.10	Establish MIS / Thiết lập hệ thống quản lý thông tin		■				
<b>No.</b>	<b>Các hoạt động/ Activities</b>	<b>Q.III/2005</b>	<b>Q.IV/2005</b>	<b>Q.I/2006</b>	<b>Q.II/2006</b>	<b>Q.III/2006</b>	<b>Q.IV/2006</b>
1.11	Assess training needs and prepare plans / Đánh giá nhu cầu đào tạo và chuẩn bị kế hoạch	■					
1.12	Prepare training materials / Chuẩn bị tài liệu đào tạo		■				
1.13	Implement training and build technical excellence / Thực hiện đào tạo và xây dựng điển hình thực hiện về kỹ thuật				■		
1.14	Establish asset inventory / Thành lập trung tâm kiểm tài sản cố định					■	
1.15	Implement CDP / Thực hiện kế hoạch phát triển công ty						
1.16	Assist DONRE to develop WW monitoring / Hỗ trợ Sở TN&MT giám sát nước thải						■

**Kết quả 2: tài chính và biểu phí/ Result 2: Finance and Tariffs**

No.	Các hoạt động/ Activities	Q.III/2005	Q.IV/2005	Q.I/2006	Q.II/2006	Q.III/2006	Q.IV/2006
2.1	Generate reliable data / Lập các dữ liệu đáng tin cậy	■					
2.2	Providing decision makers with specialized information / Cung cấp thông tin cho người ra quyết định		■				
2.3	Assess training needs and prepare plans / Đánh giá nhu cầu đào tạo và chuẩn bị kế hoạch			■			
2.4	Prepare training materials / Chuẩn bị tài liệu đào tạo				■		
2.5	Implementing training & build financial management excellence / Thực hiện đào tạo và xây dựng quản lý tài chính tốt nhất	■					
2.5.1	<i>Establish appropriate accounting system / Thiết lập hệ thống kế toán phù hợp</i>	■					
2.5.2	<i>Budget planning and monitoring / Lập kế hoạch và giám sát quỹ vốn</i>						■
2.5.3	<i>Prepare asset evaluation / Chuẩn bị định giá tài sản</i>		■				
2.6	Establish legal frame for user fees / Xây dựng khung pháp lý về biểu phí cho người sử dụng	■					
2.7	Assess costs and structure of user fees / Đánh giá chi phí và cơ cấu phí sử dụng	■					
2.8	Develop effective means of fee collection / Xây dựng phương thức thu phí hữu hiệu						■
2.9	Diseminate user fees / Phổ biến về phí sử dụng						■

**Kết quả 3: Sự tham gia của cộng đồng/ Result 3: Community participation**

No.	Các hoạt động/ Activities	Q.III/2005	Q.IV/2005	Q.I/2006	Q.II/2006	Q.III/2006	Q.IV/2006
3.1	Assess present situation / Đánh giá tình hình hiện tại	■					
3.2	Assess training needs and prepare plans / Đánh giá nhu cầu đào tạo và chuẩn bị các kế hoạch		■				
3.3	Design public campaigns / Thiết kế các chiến dịch cộng đồng			■			
3.4	Build public relation capacity / Xây dựng quan hệ cộng đồng				■		
3.5	Build customer relations and customer care / Xây dựng quan hệ khách hàng và chăm sóc khách hàng						■
3.6	SOE's implement campaigns / Công ty thực hiện chiến dịch						■
3.7	SOE's mobilize citizens to connect to tge sewerage system / Công ty vận động dân chúng đấu nối vào hệ thống thoát nước				■		
3.8	Improve the habits and behavior of the public, particular to reduce misuse of the drainage systems / Nâng cao nhận thức của dân, giảm lạm dụng hệ thống thoát nước						■
3.9	SOE's mobilize citizens to regularly empty their septic tanks / Công ty vận động dân thường xuyên thông hút bể phốt						■
3.10	Province supports (poor) households to build suitable decentralized facilities / Giúp các hộ nghèo xây dựng hệ thống phi tập trung					■	